**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC DỰ ÁN RGEP**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN TRƯỜNG TRUNG HỌC VỀ DẠY HỌC TRONG TRƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HIỆN HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH**

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9**

**(Dành cho tổ/nhóm trưởng chuyên môn)**

**Hà Nội, tháng 12 năm 2020**

**MỤC LỤC**

[PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 3](#_Toc58980601)

[I. Nội dung chủ yếu của chương trình giáo dục phổ thông mới 3](#_Toc58980602)

[II. Điều chỉnh nội dung dạy học các chương trình môn học lớp 9 trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đáp ứng yêu cầu học lớp 10 chương trình giáo dục phổ thông mới 6](#_Toc58980603)

[III. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục môn học 7](#_Toc58980604)

[IV. Xây dựng kế hoạch bài dạy 9](#_Toc58980605)

[V. Một số lưu ý về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực 11](#_Toc58980606)

[PHẦN II. 14](#_Toc58980607)

[RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 14](#_Toc58980608)

[I. Nguyên tắc điều chỉnh nội dung dạy học 14](#_Toc58980609)

[II. Khung chương trình môn học được điều chỉnh 15](#_Toc58980610)

[Phần III 23](#_Toc58980611)

[TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ 23](#_Toc58980612)

[I. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh 23](#_Toc58980613)

[II. Xây dựng kế hoạch bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 30](#_Toc58980614)

[III. Kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 40](#_Toc58980615)

[III. Xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra 65](#_Toc58980616)

[3.2. Bản đặc tả đề kiểm tra 67](#_Toc58980617)

[\* Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận 94](#_Toc58980618)

[Các phụ lục 96](#_Toc58980619)

#

# PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

## I. Nội dung chủ yếu của chương trình giáo dục phổ thông mới

Thực hiện mục tiêu của Nghị quyết 29: *"Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020."*, Chương trình giáo dục phổ thông mới được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12).

Nội dung giáo dục ở cấp Tiểu học bao gồm 11 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc[[1]](#footnote-1) và 2 môn học tự chọn[[2]](#footnote-2). Thời lượng giáo dục 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút (có hướng dẫn cho các trường chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày).

Nội dung giáo dục cấp Trung học cơ sở bao gồm 12 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc[[3]](#footnote-3) và 2 môn học tự chọn[[4]](#footnote-4). Thời lượng giáo dục1 buổi/ngày, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút (có hướng dẫn các trường đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày).

Nội dung giáo dục cấp Trung học phổ thông gồm 7 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc[[5]](#footnote-5); 2 môn học tự chọn[[6]](#footnote-6); chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học (mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học): Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật; Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học; Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

Các chuyên đề học tập: Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường. Thời lượng giáo dục1 buổi/ngày, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút (có hướng dẫn các trường đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày).

Với cấu trúc nội dung nêu trên, Chương trình giáo dục phổ thông mới bảo đảm theo yêu cầu của Nghị quyết 29, cụ thể như sau:

1. Chương trình giáo dục phổ thông mới kế thừa chương trình giáo dục phổ thông hiện hành về mục tiêu giáo dục con người toàn diện, giúp học sinh phát triển về đức, trí, thể, mỹ; các phương châm giáo dục nền tảng như "Học đi đôi với hành", "Lí luận gắn liền với thực tiễn", "Giáo dục nhà trường gắn liền với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội"; nội dung giáo dục tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa dân tộc, bảo đảm phù hợp với đặc điểm con người và văn hóa Việt Nam.

Về hệ thống môn học, hầu hết tên các môn học được giữ nguyên như Chương trình hiện hành. Trong Chương trình mới, chỉ có môn Tin học và Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông là những tên gọi mới. Việc đổi tên môn Kỹ thuật ở tiểu học thành Tin học và Công nghệ là do Chương trình mới bổ sung phần Tin học và tổ chức lại nội dung phần Kỹ thuật. Tuy nhiên, trong Chương trình hiện hành, môn Tin học đã được dạy từ lớp 3 như một môn tự chọn. Ở cấp trung học cơ sở, môn Khoa học tự nhiên gồm ba phân môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và một số chủ đề tích hợp; môn Lịch sử và Địa lí cũng gồm hai phân môn Lịch sử, Địa lí và một số chủ đề tích hợp tương tự.

Hoạt động trải nghiệm hoặc Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cả ba cấp học cũng là một nội dung quen thuộc vì được xây dựng trên cơ sở các hoạt động giáo dục tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (tham quan, lao động, hướng nghiệp, thiện nguyện, phục vụ cộng đồng,…) trong Chương trình hiện hành.

2. Chương trình giáo dục phổ thông mới bảo đảm tính giảm tải so với chương trình hiện hành. Bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của các môn học trong Chương trình mới chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ chương trình hiện hành, nhưng được tổ chức lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn. Những kiến thức nặng tính hàn lâm không thích hợp với học sinh phổ thông đã được cắt bỏ. Về thời lượng dạy học, Chương trình mới thực hiện giảm tải so với Chương trình hiện hành trên cơ sở bảo đảm sự tương quan về thời lượng dạy học giữa các môn học; bảo đảm sự kết nối giữa chương trình các cấp học trong một môn học và giữa chương trình các môn học chưa chặt chẽ; hạn chế tối đa những nội dung trùng lặp, chồng chéo hoặc chưa thật sự cần thiết đối với học sinh phổ thông trong chương trình.

Một trong những điểm quan trọng nhằm khắc phục sự quá tải của chương trình hiện hành[[7]](#footnote-7) là Chương trình mới được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kỳ vọng. Theo cách này, kiến thức được dạy học không nhằm mục đích tự thân. Nói cách khác, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp học sinh hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học.

Sự giảm tải của Chương trình còn được thể hiện ở phương pháp giáo dục mới phát huy tính tích cực của học sinh, khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ một chiều. Từ nhiều năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phổ biến và chỉ đạo áp dụng nhiều phương pháp giáo dục mới (như mô hình trường học mới, phương pháp bàn tay nặn bột, giáo dục STEM,…); do đó, hầu hết giáo viên các cấp học đã được làm quen, nhiều giáo viên đã vận dụng thành thạo các phương pháp giáo dục mới.

3. Chương trình mới được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của nhiều nước có nền giáo dục phát triển như Anh, Australia, Bỉ, Đức, Hà Lan, Israel, Mỹ, Nhật Bản, Phần Lan,… Các định hướng cơ bản về phát triển giáo dục của thế giới thể hiện rất rõ nét trong Chương trình mới về mục tiêu giáo dục[[8]](#footnote-8); về mô hình giáo dục phát triển năng lực. Điểm khác biệt đáng kể so với Chương trình hiện hành và cũng là kết quả tiếp thu kinh nghiệm quốc tế là trong Chương trình mới, quá trình 12 năm học được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản bao gồm cấp tiểu học (5 năm), cấp trung học cơ sở (4 năm) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, tương ứng với cấp trung học phổ thông (3 năm). Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tất cả học sinh đều học những nội dung giáo dục về cơ bản giống nhau. Ở giai đoạn giáo dục sau trung học cơ sở, học sinh được phân luồng và được lựa chọn môn học theo sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp. Số năm ở tiểu học trong Chương trình của nhiều nước là 6 năm, số năm học ở giai đoạn giáo dục cơ bản là 10 năm (hoặc 11 năm với những nước có chương trình 13 năm). Tuy cách phân chia số năm học này có nhiều nét ưu việt, nhất là kéo dài thêm thời gian của giai đoạn giáo dục cơ bản, nhưng xét trên điều kiện thực tế, trong đó có điều kiện đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, Chương trình của nước ta chưa thể học theo cấu trúc này mà vẫn phải duy trì cấu trúc 5 – 4 – 3 như lâu nay.

4. Việc thiết kế một số môn tích hợp mới như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở được thiết kế dựa trên sự tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài. Định hướng chung là "tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên", đáp ứng đúng yêu cầu của Nghị quyết 29 và Nghị quyết 88 của Quốc hội và cũng phù hợp với cách thiết kế nội dung giáo dục trong Chương trình của nhiều nước tiên tiến.

Chương trình môn "Lịch sử và Địa lí" được thiết kế theo các phần Lịch sử và Địa lí tương đối độc lập; ở mỗi lớp 7, 8, 9 có một chủ đề chung (6-10 tiết), Vì vậy việc bố trí giáo viên dạy môn này cơ bản giáo viên không thay đổi so với chương trình hiện hành.

Chương trình môn Khoa học tự nhiên được xây dựng ở các lớp 6, 7, 8, 9 đều có 3 phần tương ứng với kiến thức thuộc lĩnh vực Vật lí, Sinh học, Hoá học được sắp xếp theo trình tự thời gian như sau: Lớp 6: Hoá học (20%) - Sinh học (38%) - Vật lí (32%); Lớp 7: Hoá học (24%) - Vật lí (28%) - Sinh học (38%); Lớp 8: Hoá học (31%) - Vật lí (28%) - Sinh học (31%); Lớp 9: Vật lí (30%) - Hoá học (31%) - Sinh học (29%). Tổng số tiết của 3 môn Vật lí, Hoá học, Sinh học trong chương trình hiện hành là 595 tiết; tổng số tiết của môn Khoa học tự nhiên là 560 tiết, giảm 35 tiết so với chương trình hiện hành. Tỷ lệ thời lượng giữa các lĩnh vực có dao động chút ít so với chương trình hiện hành và không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu giáo viên.

5. Tính mở của Chương trình mới được thể hiện ở việc bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội. Chương trình chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình.

6. Để tránh tình trạng nội dung giáo dục chậm đổi mới theo yêu cầu của xã hội, Chương trình mới sẽ được phát triển theo cách như nhiều nước tiên tiến đang áp dụng: thường xuyên đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực hiện nhằm làm cho Chương trình vừa bảo đảm tính ổn định và vừa có khả năng phát triển trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tiến bộ khoa học - công nghệ và yêu cầu của thực tế.

## II. Điều chỉnh nội dung dạy học các chương trình môn học lớp 9 trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đáp ứng yêu cầu học lớp 10 chương trình giáo dục phổ thông mới

Thực hiện Nghị quyết số 88 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 51 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết 88, chương trình giáo dục phổ thông mới đã bắt đầu được triển khai, bắt đầu từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1; năm học 2021-2022 đối với lớp 2 và lớp 6; năm học 2022-2023 đối với lớp 3, lớp 7 và lớp 10; năm học 2023-2024 đối với lớp 4, lớp 8 và lớp 11; năm học 2024-2025 đối với lớp 5, lớp 9 và lớp 12. Theo lộ trình này, đến năm học 2022-2023, học sinh học xong lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành sẽ vào học lớp 10 theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Để bảo đảm các điều kiện đầu vào cho học sinh vào học lớp 10 theo chương trình mới, việc điều chỉnh về nội dung và phương pháp dạy học đối với lớp 9 năm học 2021-2022 theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới cần được thực hiện như sau:

1. Đối với các nội dung kiến thức có cả trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông mới

Trong chương trình các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đối với mỗi nội dung/chủ đề dạy học được quy định mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng. Trong chương trình các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông mới, các nội dung/chủ đề dạy học đó được quy định yêu cầu cần đạt về phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh khi học xong các nội dung/chủ đề đó. Vì vậy, đối với các nội dung/chủ đề này cần được điều chỉnh từ mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng sang yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực quy định trong chương trình mới.

2. Đối với các nội dung kiến thức có trong chương trình lớp 9 mới nhưng không có trong chương trình lớp 9 hiện hành

Bổ sung nội dung kiến thức mới vào chương trình môn học ở thời điểm phù hợp theo hướng:

- Bổ sung, tích hợp vào các nội dung, chủ đề phù hợp để bảo đảm yêu cầu cần đạt theo chương trình mới.

- Bổ sung nội dung, chủ đề mới vào thời điểm phù hợp, bảo đảm học sinh có đủ điều kiện về kiến thức, kĩ năng để học thuận lợi.

3. Đối với các nội dung kiến thức có trong chương trình môn học lớp 9 hiện hành và nhưng không có trong chương trình môn học lớp 9 mới

Đối với những nội dung kiến thức có trong chương trình môn học lớp 9 hiện hành nhưng không có trong chương trình lớp 9 cần tinh giản theo hướng:

- Nếu các nội dung kiến thức đó học sinh không cần phải sử dụng để học các nội dung kiến thức khác trong chương trình môn học thì tinh giản theo hướng không dạy, học làm, không thực hiện.

- Nếu các nội dung kiến thức đó học sinh cần sử dụng để học các nội dung kiến thức liên quan trong chương trình môn học thì tinh giản theo hướng "hướng dẫn học sinh tự học" hoặc tích hợp vào bài học, chủ đề cần sử dụng để tổ chức cho học sinh học tập cùng với kiến thức liên quan.

## III. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục môn học

*1. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình*

Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Sở GDĐT[[9]](#footnote-9), Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học bắt buộc, môn học tự chọn, môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục địa phương (sau đây gọi chung là môn học) bảo đảm tổng số tiết/năm học quy định trong chương trình. Chương trình mỗi môn học ở mỗi khối lớp có thể được bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng học kì của năm học[[10]](#footnote-10), không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần trên cơ sở bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Đối với các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn ở cấp trung học phổ thông, nhà trường xây dựng một số tổ hợp gồm 5 môn học được chọn từ 3 nhóm môn học lựa chọn trong chương trình[[11]](#footnote-11) (mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học) và xây dựng một số tổ hợp 3 cụm chuyên đề của 3 môn học trong chương trình phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường; đồng thời xây dựng phương án tổ chức cho học sinh đăng kí lựa chọn và tổ chức thực hiện để vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên[[12]](#footnote-12), cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Đối với các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức tham quan, cắm trại, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng (sau đây gọi chung là hoạt động giáo dục), Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học và điều kiện cụ thể của nhà trường; tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

*2. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn*

Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học đã được Hiệu trưởng quyết định, các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, bao gồm Kế hoạch dạy học các môn học (theo Khung kế hoạch dạy học môn học tại Phụ lục 1) và Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (theo Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tại Phụ lục 2). Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đơn vị được giao chủ trì hoạt động nào xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức hoạt động đó, bao gồm các thành phần cơ bản sau: mục tiêu và yêu cầu cần đạt; nội dung, hình thức và kịch bản tổ chức hoạt động; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động đối với các đối tượng tham gia; thời gian và địa điểm tổ chức; nguồn lực được huy động để tổ chức thực hiện.

*3. Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy (giáo án)*

Căn cứ vào Kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học ở các khối lớp xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học (theo Khung kế hoạch giáo dục của giáo viên tại Phụ lục 3); trên cơ sở đó xây dựng các Kế hoạch bài dạy (theo Khung kế hoạch bài dạy tại Phụ lục 4) để tổ chức dạy học.

Việc cho phép học sinh sử dụng điện thoại di động trong lớp học do giáo viên trực tiếp giảng dạy các môn học quyết định; được giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể theo các hoạt động học trong Kế hoạch bài dạy đã được xây dựng và chỉ được sử dụng như là một thiết bị hỗ trợ hoạt động đó.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét về hành vi, thái độ, hành động và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập phải hoàn thành (đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy): nếu học sinh đã làm đúng thì động viên, khích lệ, giúp học sinh hoàn thiện hơn về nội dung, phương pháp, cách trình bày (viết, nói); nếu học sinh gặp khó khăn hoặc làm sai thì chỉ ra nguyên nhân, gợi ý, hỗ trợ (hoặc giao cho bạn cùng lớp, cùng nhóm hỗ trợ) để học sinh vượt qua; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tự đánh giá, góp ý lẫn nhau trong quá trình học tập.

*4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kì*

a) Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính)

Các tổ chuyên môn xây dựng ma trận đặc tả đề kiểm tra, đánh giá định kì của các môn học ở từng khối lớp với ngân hàng câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan theo 4 mức độ yêu cầu như sau:

- Nhận biết: Các câu hỏi yêu cầu học sinh nhận ra, nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Thông hiểu: Các câu hỏi yêu cầu học sinh giải thích, diễn đạt được thông tin theo ý hiểu của cá nhân, so sánh, áp dụng trực tiếp… kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Vận dụng: Các câu hỏi yêu cầu học sinh sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung đã được học ở các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.

- Vận dụng cao: Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, các vấn đề thực tiễn phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học.

b) Đối với bài thực hành, dự án học tập

Các tổ chuyên môn xây dựng các chủ đề của bài kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập của các môn học ở từng khối lớp; yêu cầu cần đạt đối với mỗi bài thực hành, dự án học tập phải mô tả các tiêu chí cụ thể đảm bảo 4 mức độ về kiến thức, kĩ năng, năng lực học sinh cần sử dụng để thực hiện.

c) Tổng hợp nhận xét cuối kì

Tổng hợp nhận xét cuối mỗi học kì và cả năm học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) được thông báo cho từng học sinh và ghi vào Học bạ học sinh. Khuyến khích giáo viên hướng dẫn và giao cho học sinh viết bản tự nhận xét về ưu điểm, hạn chế, sự tiến bộ của bản thân trong học tập, rèn luyện đối với từng môn học cuối mỗi học kì; trên cơ sở đó giáo viên góp ý sửa thành nhận xét cuối kì, cuối năm học và thông báo cho học sinh.

## IV. Xây dựng kế hoạch bài dạy

Đối với mỗi bài học, giáo viên phải xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học theo phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực (12 tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài dạy tại Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014). Cụ thể, mỗi kế hoạch bài dạy phải thể hiện rõ nội dung kiến thức cần dạy (nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài để thực hiện được yêu cầu cần đạt của nội dung/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục) làm cơ sở thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh gắn với nội dung kiến thức đó. Mục tiêu và tiến trình tổ chưc các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học như sau:

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)*

a) Mục tiêu: *(Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học).*

b) Nội dung: *(Mô tả hoạt động của học sinh để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ).*

c) Sản phẩm học tập: *(Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành: viết, trình bày được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện).*

d) Tổ chức hoạt động: *(Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập).*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).*

a) Mục tiêu: *(Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1).*

b) Nội dung: *(Mô tả hoạt động của học sinh với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1).*

c) Sản phẩm học tập: *(Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được).*

d) Tổ chức thực hiện: *(Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh).*

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: *(Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh).*

b) Nội dung: *(Trình bày cụ thể hệ thống câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện).*

c) Sản phẩm học tập: *(Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình).*

d) Tổ chức thực hiện: *(Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện).*

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: *(Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn).*

b) Nội dung: *(Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết).*

c) Sản phẩm học tập: *(Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn).*

d) Tổ chức thực hiện: *(Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên).*

**Ghi chú**:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài học phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

3. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

## V. Một số lưu ý về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực

1. Đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực được dùng để chỉ các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Phương pháp dạy học tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì giáo viên phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Phương pháp dạy học tích cực nhấn mạnh việc lấy *hoạt động học* làm trung tâm của quá trình dạy học, nghĩa là nhấn mạnh hoạt động học và vai trò của học sinh trong quá trình dạy học, khác với cách tiếp cận truyền thống lâu nay là nhấn mạnh hoạt động dạy và vai trò của giáo viên. Mặc dù có thể được thể hiện qua nhiều phương pháp khác nhau nhưng nhìn chung các phương pháp dạy học tích cực đều có những đặc trưng cơ bản sau:

*a) Dạy học là tổ chức các hoạt động học tập của học sinh*

Trong phương pháp dạy học tích cực, học sinh được cuốn hút vào các hoạt động học tập do giáo viên tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được giáo viên sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, học sinh trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, từ đó nắm được kiến thức kĩ năng mới, vừa nắm được phương pháp chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng đó, không rập theo những khuôn mâu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Dạy theo cách này thì giáo viên không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn hành động.

*b) Dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học*

Các phương pháp dạy học tích cực coi việc rèn luyện phương pháp học tập cho học sinh không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học. Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được phương pháp, kĩ năng, thói quen, ý chí tự học thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, cần phải nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến từ học tập thụ động sang tự học chủ động, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong trường phổ thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của giáo viên.

*c) Dạy học tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác*

Trong một lớp học mà trình độ kiến thức, tư duy của học sinh không thể đồng đều tuyệt đối thì khi áp dụng phương pháp tích cực phải có sự phân hóa về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhất là khi bài học được thiết kế thành một chuỗi hoạt động độc lập. Áp dụng phương pháp tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hóa này càng lớn. Tuy nhiên, trong học tập, không phải mọi tri thức, kĩ năng, thái độ đều được hình thành bằng những hoạt động độc lập cá nhân. Lớp học là môi trường giao tiếp giáo viên - học sinh và học sinh - học sinh, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học nâng mình lên một trình độ mới. Được sử dụng phổ biến trong dạy học hiện nay là hoạt động hợp tác trong nhóm nhỏ. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay cấn, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung.

*d) Dạy học có sự kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò*

Trong quá trình dạy học, việc đánh giá học sinh không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trò mà còn đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của thầy. Trong phương pháp tích cực, giáo viên phải hướng dẫn học sinh phát triển kĩ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học. Liên quan với điều này, giáo viên cần tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được tham gia đánh giá lẫn nhau.

Trong dạy học tích cực, giáo viên không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, giáo viên trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để học sinh tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kĩ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, học sinh hoạt động là chính, giáo viên có vẻ "nhàn" hơn nhưng trước đó, khi soạn giáo án, giáo viên đã phải đầu tư công sức, thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ động mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của học sinh. Giáo viên phải có trình độ chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của học sinh mà nhiều khi diễn biến ngoài tầm dự kiến của giáo viên.

Với các đặc trưng trên, có nhiều phương pháp dạy học tích cực ("Bàn tay nặn bột", Dạy học giải quyết vấn đề, Dạy học khám phá, Dạy học dự án, Mô hình 5E...) nhưng đều có một điểm chung là thiết kế tiến trình dạy học mỗi bài học (theo chủ đề) thành một chuỗi hoạt động học bắt đầu bằng một hoạt động mở đầu, xác định vấn đề cần giải quyết cho cả bài học ấy. Sau khi học sinh đã ý thức được vấn đề cần giải quyết trong bài học sẽ xuất hiện nhu cầu cần học thêm kiến thức mới để giải quyết vấn đề, dẫn tới hoạt động tiếp theo để học sinh chiếm lĩnh kiến thức mới cần dạy trong bài này. Sau khi đã học được kiến thức mới để giải quyết vấn đề đặt ra từ hoạt động mở đầu, đòi hỏi phải tổ chức cho học sinh luyện tập (thông qua hệ thống câu hỏi, hệ thống bài tập, làm thí nghiệm, làm thực hành) để nắm vững kiến thức mới học và phát triển các kỹ năng. Cuối cùng, để đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực, học sinh cần được giao nhiệm vụ vận dụng kiến thức, kĩ năng mới học để giải quyết những vấn đề trong các tình huống thực tiễn. Đi sâu vào đặc trưng của mỗi phương pháp thì các hoạt động nói trên sẽ được tổ chức theo một cách thức khác nhau, phù hợp với nội dung kiến thức, kĩ năng và phẩm chất, năng lực cần phát triển cho học sinh. Sự khác nhau của các phương pháp khác nhau là ở nội dung về tính chất hoạt động.

2. Đặc trưng của các kĩ thuật dạy học tích cực

Để tổ chức các hoạt động học cho học sinh có rất nhiều kĩ thuật dạy học tích cực mà giáo viên đã được tiếp cận, sử dụng ngay từ khi đào tạo trong trường sư phạm cũng như quá trình tập huấn thường xuyên (động não, bản đồ tư duy, khăn trải bàn, XYZ, mảnh ghép...). Tuy nhiên, tất cả các kĩ thuật dạy học đều có một điểm chung là phải trải qua 4 bước cơ bản: chuyển giao nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ; báo cáo, thảo luận; kết luận, nhận định. Để thực hiện tốt phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, trong kế hoạch bài dạy cần xây dựng như sau:

(1) Mỗi bài dạy cần xây dựng theo chủ đề để thực hiện trong nhiều tiết học; bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

(2) Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

(3) Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

# PHẦN II.

# RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

##  I. Nguyên tắc điều chỉnh nội dung dạy học

**1.1. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT môn GDCD 20*18***

Yêu cần cần đạt là chuẩn đầu ra của chương trình phản ánh mục tiêu phẩm chất, năng lực của từng môn học và hoạt động giáo dục trong CTGDPT 2018, đồng thời là điểm xuất phát cho quá trình dạy học các môn học/hoạt động giáo dục của chương trình hiện hành theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Yêu cầu cần đạt trong CT 2018 là cơ sở quan trọng để điều chỉnh nội dung dạy học của CT hiện hành. Ngược lại, nội dung dạy học được điều chỉnh là phương tiện để hướng đến thực hiện yêu cầu cần đạt mà CT môn 2018 quy định. Do đó, điều chỉnh nội dung dạy học trong môn GDCD lớp 9 hiện hành phải thực hiện nhiệm vụ “phủ dầy”những yêu cần cần đạt đã được quy định trong CT môn GDCD 2018. Nguyên tắc này sẽ định hướng cho quá trình phân tích, tìm hiểu, rà soát và so sánh sự tương đồng, điểm khác biệt giữa mức độ cần đạt của trong từng bài học của môn GDCD lớp 9 hiện hành với yêu cầu cần đạt của CT môn GDCD 2018. Trên cơ sở đó điều chỉnh nội dung từng bài học theo hướng tinh giản những nội dung không phản ánh yêu cầu cần đạt trong CT môn GDCD 2018 và bổ sung những nội dung, những bài học, chủ đề mà CT 2018 yêu cầu.

**1.2. Đảm bảo tính thực tiễn, cập nhật**

GDCD lớp 9 hiện hành với hai mạch kiến thức chủ yếu là đạo đức và pháp luật. Trong đó, mạch kiến thức pháp luật rất cần phải được cập nhật bởi những quy phạm pháp luật mới được ban hành hoặc bổ sung, chỉnh sửa. Điều này giúp đáp ứng tính thực tiễn của môn GDCD lớp 9 nói riêng, môn GDCD nói chung. Chính vì thế, việc điều chỉnh nôi dung môn GDCD lớp 9 hiện hành một mặt phải thay thế những ngữ liệu, thông tin, sự kiện đã lạc hậu bằng ngữ liệu, thông tin, sự kiện mới nhất, đồng thời phải làm mới những nội dung được giữ lại bằng những ngữ liệu, thông tin hướng đến thực hiện yêu cầu cần đạt của CT môn GDCD 2018. Nguyên tắc này góp phần đảm bảo tính mở, tính linh hoạt mà CT 2018 đã quy định đối với những nội dung vốn gắn liền với sự biến đổi không ngừng của hiện thực cuộc sống như môn GDCD.

**1.3. Đảm bảo tính kế thừa**

Nguyên tắc này được đặt ra nhằm tránh sự xáo trộn quá nhiều, gây ảnh hưởng đến quá trình tổ chức dạy học môn GDCD lớp 9 hiện hành xây dựng CT mới, nhiều nội dung bài học trong môn GDCD lớp 9 vẫn phản ánh tốt yêu cầu cần đạt của CT mới. Vì vậy, đối với những nội dung bài học trong môn GDCD lớp 9 hiện hành mà có mức độ cần đạt “quá xa” so với yêu cầu cần đạt trong CT mới thì tiến hành tinh giản, điều chỉnh; còn đối với những nội dung bài học mà mức độ cần đạt có sự tương đồng tương đối với yêu cầu cần đạt của CT 2018 thì cần được giữ lại. Nguyên tắc này cũng giúp cho việc tận dụng triệt để sự hỗ trợ của sách giáo khoa trong quá trình dạy và học môn GDCD lớp 9 hiện hành với tư cách là một trong những nguồn tài liệu dạy học chính của giáo viên và học sinh và trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, giúp tạo tâm lí ổn định, khai thác được kinh nghiệm tổ chức quá trình dạy học của đội ngũ giáo viên.

**1.4. Đảm bảo thời lượng dạy học theo phân phối của CT hiện hành**

Nguyên tắc này cần được quán triệt nhằm đảm bảo sự thống nhất vĩ mô trong quản lí cũng như tương quan giữa môn học GDCD với các môn học khác trong nhà trường. Tổng thể số tiết dạy không thay đổi so với thời lượng dạy học hiện hành cũng nhằm giúp đảm bảo đáp ứng mục tiêu yêu cầu cần đạt của môn GDCD lớp 9, hướng đến chuẩn bị tốt cho việc chuẩn bị thực hiện chương trình môn GDCD lớp 10 theo chương trình mới ở năm học ngay sau. Nguyên tắc này đặt ra yêu cầu của việc phân bố hài hòa các tiết dạy của từng chủ đề/ bài học sau khi đã chỉnh sửa trong cấu trúc tổng thể của môn GDCD lớp 9, đòng thời có tính đến sự hợp lí về số lượng tiết dạy giữa các kiểu bài giảng dạy tri thức mới với kiểu bài ôn tập, thực hành, kiểm tra,... Ngoài ra, nguyên tắc trên cũng góp phần tránh được sự “xáo trộn” không cần thiết về thời lượng dành cho môn GDCD lớp 9 trong năm học, đồng thời khai thác được kinh nghiệm của giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy trong quá trình điều chỉnh số tiết mỗi bài, thứ tự các chủ đề, bài học, số tiết mỗi tuần sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, phát huy được lợi ích của tính mở, tính linh hoạt khi thực hiện CT hiện hành theo hướng mới.

##  II. Khung chương trình môn học được điều chỉnh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/nội dung** | **Mức độ cần đạt**(CT 2006) | **Yêu cầu cần đạt**(CT 2018) | **Nội dung bổ sung** **hoặc tinh giản** |
| 1. Chí công vô tư | - Nêu được thế nào là chí công vô tư- Nêu được biểu hiện của chí công vô tư.- Hiểu được ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư.- Biết thể hiện chí công vô tư trong cuộc sống hằng ngày.- Đồng tình, ủng hộ những việc làm chí công vô tư, phê phán những biểu hiện thiếu chí công vô tư. | - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.- Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.- Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.- Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. | - Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành- Bổ sung: Thể hiện được chí công vô tư trong cuộc sống hàng ngày bằng thái độ và hành động khách quan, công bằng. |
| 2. Tự chủ | - Hiểu được thế nào là tự chủ- Nêu được biểu hiện của người có tính tự chủ- Hiểu được vì sao con người cần phải biết tự chủ- Có khả năng làm chủ bản thân trong học tập, sinh hoạt- Có ý thức rèn luyện tính tự chủ |  | - Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành - Bổ sung: Người tự chủ luôn biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lí thời gian học tập, sinh hoạt của bản thân hiệu quả |
| 3. Dân chủ và kỉ luật | - Hiểu được thế nào là dân chủ và kỉ luật- Hiểu được mối quan hệ giữa dân chủ và kỉ luật- Hiểu được ý nghĩa của dân chủ và kỉ luật- Biết thực hiện quyền dân chủ và chấp hành tốt kỉ luật của tập thể- Có thái độ tôn trọng quyền dân chủ và kỉ luật của tập thể |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| 4. Bảo vệ hòa bình | - Hiểu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình.- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.- Nêu được ý nghĩa của các hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới.- Nêu được các biểu hiện của sống hoà bình trong sinh hoạt hằng ngày.- Tham gia các hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh do nhà trường, địa phương tổ chức.- Yêu hoà bình, ghét chiến tranh phi nghĩa. | - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.- Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.- Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.- Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. | Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2018 |
| 5. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | - Hiểu được thế nào là tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới- Hiểu được ý nghĩa của quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới- Biết thể hiện tình hữu nghị với người nước ngoài khi gặp gỡ, tiếp xúc.- Tham gia các hoạt động đoàn kết hữu nghị do nhà trường, địa phương tổ chức- Tôn trọng, thân thiện với người nước ngoài khi gặp gỡ, tiếp xúc |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| 6. Hợp tác cùng phát triển | - Hiểu được thế nào là hợp tác cùng phát triển- Hiểu được vì sao phải hợp tác quốc tế- Nêu được nguyên tắc hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước ta- Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế phù hợp với khả năng của bản thân- Ủng hộ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hợp tác quốc tế |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| 7. Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc | - Nêu được thế nào là truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Nêu được một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam- Hiểu được thế nào là kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc và vì sao phải kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Xác định được thái độ, hành vi cần thiết để kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc- Biết rèn luyện bản thân theo các truyền thống tốt đẹp của dân tộc- Tôn trọng, tự hòa về truyền thống tốt đẹp của dân tộc. | - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.- Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam.- Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.- Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.- Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc. | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| 8.Năng động, sáng tạo | - Hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo.- Hiểu được ý nghĩa của năng động, sáng tạo.- Biết cần làm gì để trở thành người năng động, sáng tạo- Năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và trong sinh hoạt hàng ngày- Tôn trọng những người sống năng động, sáng tạo |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| 9. Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | - Nêu được thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả- Hiểu được ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả- Nêu được các yếu tố cần thiết để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả- Biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để nâng cao kết quả học tập của bản thân.- Có ý thức sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm của bản thân. |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS**-* Bổ sung: Muốn làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả phải biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lí thời gian lao động một cách hiệu quả. |
| 10. Lí tưởng sống của thanh niên(Chuyển sang hoạt động ngoại khóa) | - Nêu được thế nào là lí tưởng sống.- Giải thích được vì sao thanh niên cần sống có lí tưởng,- Nêu được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay.- Xác định được lí tưởng sống cho bản thân.- Có ý thức sống theo lí tưởng. | - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.- Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.- Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. | - Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2006- Hướng dẫn HS tự học theo hình thức ngoại khóa. |
| 11. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | - Hiểu được hôn nhân là gì- Nêu được các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta- Kể được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân- Biết được tác hại của việc kết hôn sớm- Biết thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân trong việc chấp hành luật HN&GĐ ở nước ta.Nghiêm chỉnh chấp hành luật HN&GĐ ở nước ta- Không tán thành việc kết hôn sớm |  | Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hện hành |
| 12. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | - Nêu được thế nào là quyền tự do kinh doanh.- Nêu được nội dung các quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh.- Nêu được thế nào là thuế và vai trò của thuế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.- Nêu được nghĩa vụ đóng thuế của công dân.- Biết vận động gia đình thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ kinh doanh, nghĩa vụ đóng thuế.- Tôn trọng quyền tự do kinh doanh của người khác, ủng hộ pháp luật về thuế của Nhà nước. | - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.- Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.- Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.- Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. | Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2006 |
| 13. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | - Nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.- Nêu được nội dung cơ bản các quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.- Biết được quy định của pháp luật về sử dụng lao động trẻ em.- Phân biệt được những hành vi, việc làm đúng với những hành vi, việc làm vi phạm quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.- Tôn trọng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động | - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.- Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên.- Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.- Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi | Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT2006) |
| 14. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân. | - Nêu được thế nào là vi phạm pháp luật.- Kể được các loại vi phạm pháp luật.- Nêu được thế nào là trách nhiệm pháp lí.- Kể được các loại trách nhiệm pháp lí.- Biết phân biệt các loại vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lí.- Tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước.- Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.- Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. | - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.- Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.- Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. | Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2018 |
| 15. Quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội của công dân | - Nêu được thế nào là quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.- Nêu được các hình thức tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước và của công dân trong việc đảm bảo và thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.- Nêu được ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.- Biết thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội phù hợp với lứa tuổi- Tích cực tham gia công việc của trường, của lớp, của cộng đồng phù hợp với khả năng |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| 16. Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật | - Nêu được thế nào là sống có đạo đức và tuân theo pháp luật- Nêu được mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật- Hiểu được ý nghĩa của việc sống có đạo đức và tuân theo pháp luật- Hiểu được trách nhiệm của thanh niên học sinh cần phải rèn luện thường xuyên để sống có đạo đức và tuân theo pháp luật- Biết rèn luyện bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và pháp luật- Tự giác thực hiện các nghĩa vụ đạo đức và các quy định của pháp luật trong đời sống hàng ngày |  | Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành |
| Bài 17 Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc | - Nêu được thế nào là bảo vệ tổ quốc và nội dung của nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc. cho ví dụ minh họa.- Nêu được một só quy định của pháp luật về nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc- Tham gia các hoạt động thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc- Nhân xét, đánh giá các hành động việc làm của bản thân, người thân, bạn bè trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc- Vận động người thân, bạn bè tham gia các hoạt động bảo vệ trường, lớp quê hương, đất nước bằng các việc làm phù hợp |  | Thực hiện theo *Công văn số 3280. /BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS* |
| **18. Tiêu dùng thông minh**  |  | - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.- Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.- Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).- Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.- Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùngthông minh. | Bổ sung: - Xây dựng thành chủ đề “Người tiêu dùng thông minh”- Thưc hiện dạy học theo yêu cầu cần đạt của CT 2018 |
| **19. Thích ứng với thay đổi**  |  | - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.- Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.- Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.- Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. | Thực hiện dạy tích hợp với:- Bài 2: Tự chủ - Bài 8: Năng động, sáng tạo.- Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. |
| **20. Quản lí thời gian hiệu quả**  |  | - Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả.- Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.- Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.- Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả. | Thực hiện dạy tích hợp với:- Bài 2: Tự chủ - Bài 8: Năng động, sáng tạo.- Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. |

# Phần III

# TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

## I. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh

**1.1. Xây dựng kế hoạch bài học**

***1.1.1. Yêu cầu chung về xây dựng kế hoạch bài học***

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, mỗi bài học thường nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kĩ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kĩ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kĩ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng mới; vận dụng kiến thức, kĩ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

- Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Mỗi bài học có thể được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số hoạt động học trong tiến trình bài học theo phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

- Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã xây dựng. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

- Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh.

***1.1.2. Phương pháp và kĩ thuật xây dựng kế hoạch bài học***

Căn cứ vào đặc thù tri thức của môn Giáo dục công dân và những đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực, khi thiết kế hoạt động dạy học cần hình dung chuỗi hoạt động học sẽ tổ chức cho học sinh thực hiện. Bản chất của việc thiết kế hoạt động dạy học theo phương pháp dạy học tích cực là tổ chức cho học sinh phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chuỗi hoạt động học với các nhiệm vụ học tập cụ thể, theo con đường nhận thức chung như sau:

- Xác định nhiệm vụ, tình huống, vấn đề học tập;

- Tìm tòi, khám phá, lĩnh hội được kiến thức, kĩ năng mới.

- Thực hành, luyện tập, củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được nhằm giải quyết tình huống/vấn đề học tập.

- Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề thực tiễn.

Dựa trên con đường nhận thức chung đó, tổ/nhóm chuyên môn tổ chức cho giáo viên thảo luận, lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, phương tiện và thiết bị dạy học phù hợp để xây dựng kế hoạch bài học, trong đó tập trung vào thiết kế chuỗi các hoạt động học theo tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực. Cụ thể như sau:

***Với hoạt động mở đầu (tạo tình huống xuất phát)***

*Mục đích*: tạo tâm thế học tập học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong sách giáo khoa, các tài liệu học tập; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/nhiệm vụ trong các hoạt động này là những câu hỏi/vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. Kết thúc hoạt động này, giáo viên không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp học sinh phát biểu được vấn đề để học sinh chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.

*Cách tiến hành:* Thông qua các câu hỏi/tình huống có vấn đề để học sinh huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung sẽ học (băn khoăn, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời...). Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong bài học/chủ đề.

*Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này:*

Tình huống/câu hỏi/lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/kĩ năng/kinh nghiệm sẵn có nào của học sinh? (Học sinh đã học kiến thức/kĩ năng đó khi nào?).

Vận dụng kiến thức/kĩ năng/kinh nghiệm đã có đó thì học sinh có thể trả lời câu hỏi/thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/sản phẩm học tập mà học sinh có thể hoàn thành.

Để hoàn thiện câu trả lời/sản phẩm học tập nói trên, học sinh cần vận dụng kiến thức/kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong Hoạt động Hình thành kiến thức? (Có thể không phải là toàn bộ kiến thức/kĩ năng mới trong bài).

***Với các hoạt động hình thành kiến thức***

*Mục đích:*Giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức, tìm hiểu biểu hiện của chuẩn mực hành vi, sự cần thiết và cách thực hiện chuẩn mực hành vi đó. Trên cơ sở các kiến thức, kĩ năng mới, học sinh sẽ thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ về vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

*Cách tiến hành*:

Đối với việc tìm hiểu biểu hiện của chuẩn mực hành vi, giáo viên tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để hướng dẫn học sinh tìm hiểu mẫu hành vi thông qua các hoạt động như: đọc sách giáo khoa, nghiên cứu tư liệu học tập, sử dụng học liệu; tự nghiên cứu, thực hành, hoạt động trải nghiệm,…Sau các hoạt động, giáo viên cần hướng dẫn để học sinh tự kết luận về biểu hiện của chuẩn mực hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế mà các em tiếp nhận được thông qua các hoạt động.

Đối với hoạt động tìm hiểu sự cần thiết thực hiện chuẩn mực hành vi, giáo viên có thể sử dụng phương pháp tổ chức trò chơi hoặc thảo luận nhóm,.. để học sinh chia sẻ, trao đổi với các bạn trong nhóm và giáo viên.

Đối với hoạt động tìm hiểu cách thực hiện chuẩn mực hành vi, giáo viên cần giảng giải tỉ mỉ về các bước thực hiện và làm mẫu, sau đó tổ chức cho học sinh họat động bắt chước theo mẫu.

Ngoài ra, giáo viên cũng có thể sử dụng các bài tập, câu hỏi, tình huống phù hợp để học sinh tự khám phá.

*Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này:*

Kiến thức mới mà học sinh phải chiếm lĩnh được của bài học là gì? Học sinh sẽ chiếm lĩnh kiến thức đó bằng cách nào? Cụ thể là học sinh phải thực hiện các hành động (đọc/nghe/nhìn/làm) gì? Qua hành động (đọc/nghe/nhìn/làm), học sinh thu được kiến thức gì? Kiến thức đó giúp cho việc hoàn thiện câu trả lời/sản phẩm học tập ở hoạt động khởi động như thế nào?

Nếu có lệnh/câu hỏi trong các hoạt động khám phá thì cần làm rõ: Lệnh/câu hỏi đó có liên hệ thế nào với lệnh/câu hỏi ở hoạt động khởi động? Câu trả lời/sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành là gì? Học sinh sử dụng kiến thức nào để trả lời câu hỏi/thực hiện lệnh đó?

***Với các hoạt động luyện tập***

*Mục đích:*Giúp học sinh được hoàn thiện hiểu biết; củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức, kĩ năng đã chiếm lĩnh được, hình thành thái độ đúng đắn trước các hành vi đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật và kinh tế; đồng thời giáo viên biết được mức độ hiểu biết/ lĩnh hội kiến thức của học sinh để điều chỉnh các hoạt động dạy học. Thái độ là cơ sở của hành vi nên việc tổ chức hoạt động này rất cần thiết. Thông qua hoạt động này, học sinh hình thành được thái độ đồng tình, ủng hộ các hành vi tích cực; không đồng tình, phê phán các hành vi tiêu cực.

 *Cách tiến hành:*  Đây là hoạt động học sinh phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập/tình huống cụ thể tương tự các bài tập/ tình huống đã học nhưng có thay đổi các dữ liệu ban đầu để củng cố tri thức. Giáo viên có thể tổ chức, hướng dẫn cho học sinh tham gia các hoạt động như: liên hệ với các sự vật, hiện tượng, sự kiện, đối tượng, tình huống trong đời sống thực tế xung quanh mà các em biết; liên hệ với những thái độ, hành vi của chính bản thân mình hoặc của người khác; nhận xét thái độ, hành vi của bản thân hoặc người khác; xử lí tình huống; bày tỏ thái độ đối với các ý kiến liên quan;…để từ đó các em củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thái độ tích cực cho bản thân.

Câu hỏi/bài tập/tình huống/nhiệm vụ được sử dụng trong hoạt động luyện tập cần phải phù hợp với nội dung bài học, đặc điểm tâm sinh lí, khả năng, điều kiện học tập và thực tế cuộc sống của học sinh. Học sinh có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập, bài thực hành,…

*Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này:*

Nêu rõ mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập luyện tập trong bài học. Cụ thể là câu hỏi/bài tập đó nhằm hình thành/phát triển kĩ năng nào?

Nếu có nhiều hơn 01 câu hỏi/bài tập cho việc hình thành/phát triển 01 kĩ năng cần giải thích tại sao?

 ***Với các hoạt động vận dụng***

*Mục đích:* Học sinh được củng cố kiến thức, kĩ năng, tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học được để phát hiện và giải quyết các vấn đề có thực trong học tập và trong cuộc sống; có ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, thói quen điều chỉnh hành vi, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. Hoạt động này đồng thời còn giúp giáo viên đánh giá được mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của học sinh về phẩm chất và năng lực.

 *Cách tiến hành:* Học sinh vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kĩ năng (vừa chiếm lĩnh được), kinh nghiệm của bản thân đã được tích lũy trong nhiều tình huống tương tự để làm các bài tập lí thuyết, bài tập thực hành, giải các bài tập/tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

 Trong các hoạt động vận dụng và mở rộng, cần chú trọng các hoạt động *rèn luyện thói quen thực hiện chuẩn mực hành vi.* Để giúp học sinh thực hành, rèn luyện thói quen thực hiện theo chuẩn mực hành vi, giáo viên cần chú trọng tổ chức các hoạt động xử lí tình huống thực tiễn, giúp học sinh thực hành chuẩn mực hành vi bằng nhiều hình thức như trình bày, báo cáo trước lớp; đóng vai để giải quyết tình huống;…Thông qua tham gia các hoạt động xử lí tình huống, học sinh được tự mình trải nghiệm. Tri thức, thái độ và hành vi nhờ đó được hình thành, phát triển một cách bền vững hơn. Các hoạt động rèn luyện thói quen thực hiện chuẩn mực hành vi cần được tổ chức phù hợp với điều kiện sống và học tập của học sinh. Giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.

 Thông qua các nguồn tài liệu như: sách/tài liệu tham khảo bằng bản in hoặc internet; các bản báo cáo, thuyết trình; các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, tình huống, trường hợp mà các em đã biết trong thực tế cuộc sống,… học sinh làm bài tập nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, hợp tác với các bạn trong nhóm, trong lớp, giáo viên, gia đình và những người khác trong cộng đồng để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế giải quyết vấn đề, ứng dụng các kiến thức đã học. Học sinh có thể tự đưa ra những tình huống, bài tập và giải quyết theo cách riêng của mình hoặc trao đổi trong cặp đôi, trong nhóm, thống nhất cách làm chung, tìm giải pháp, kết quả chung; báo cáo kết quả trước lớp hoặc giáo viên.

 *Câu hỏi cần giải quyết cho các hoạt động này:*

Học sinh được yêu cầu vận dụng kiến thức vào giải quyết một điều gì trong cuộc sống? Cần thay đổi gì trong hành vi, thái độ của bản thân học sinh? Đề xuất với gia đình, bạn bè… thực hiện điều gì trong học tập/cuộc sống?

Học sinh được yêu cầu đào sâu/mở rộng thêm gì về những kiến thức có liên quan đến bài học? Lịch sử hình thành kiến thức? Thông tin về các nhà khoa học phát minh ra kiến thức? Những ứng dụng của kiến thức trong đời sống, kĩ thuật?

Học sinh cần trình bày/báo cáo/chia sẻ các kết quả hoạt động nói trên như thế nào? Dưới hình thức nào?

Tóm lại, khi tổ chức thực hiện chuỗi hoạt động học nhằm phát triển năng lực cho học sinh, giáo viên nên tập trung vào dạy học gắn liền với tình huống thực tiễn, lấy tình huống thực tiễn làm phương tiện để truyền đạt, vận dụng kiến thức. Tình huống cần mang tính phổ quát và đa dạng hóa ở các loại hình, có thể là những tình huống thực tiễn có vấn đề cần giải quyết như va chạm giao thông, mâu thuẫn bạn bè...; cũng có thể là một tấm gương, câu chuyện thực tiễn hoặc một thông tin có tính thời sự.. để mang ra trao đổi làm phương tiện dạy học. Tình huống thực tiễn có thể do giáo viên hoặc học sinh đưa ra, đặc biệt để phát triển năng lực học sinh thì phải tạo điều kiện để học sinh đưa ra tình huống thực tiễn và vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết tình huống thực tiễn đó.

**2. Tổ chức hoạt động dạy học**

Theo quan điểm dạy học định hướng phát triển năng lực học sinh, việc tổ chức các hoạt động dạy học bao gồm một hệ thống các hành động có mục đích của giáo viên nhằm đảm bảo cho học sinh chiếm lĩnh được nội dung dạy học, đạt được mục tiêu xác định. Trong quá trình dạy học, giáo viên tổ chức định hướng hành động chiếm lĩnh tri thức của học sinh phỏng theo tiến trình của chu trình sáng tạo khoa học. Như vậy, chúng ta có thể hình dung diễn biến của hoạt động dạy học như sau:

- Giáo viên tổ chức tình huống, giao nhiệm vụ cho học sinh. Học sinh hăng hái đảm nhận nhiệm vụ, gặp khó khăn, nảy sinh vấn đề cần tìm tòi giải quyết. Dưới sự chỉ đạo của giáo viên, vấn đề được diễn đạt chính xác hóa, phù hợp với mục tiêu dạy học và các nội dung cụ thể đã xác định.

- Học sinh tự chủ tìm tòi giải quyết vấn đề đặt ra. Với sự theo dõi, định hướng, giúp đỡ của giáo viên, hoạt động học của học sinh diễn ra theo một tiến trình hợp lí, phù hợp với những đòi hỏi phương pháp luận.

- Giáo viên chỉ đạo sự trao đổi, tranh luận của học sinh, bổ sung, tổng kết, khái quát hóa, thể chế hóa tri thức, kiểm tra kết quả học phù hợp với mục tiêu dạy học các nội dung cụ thể đã xác định.

Tổ chức tiến trình dạy học như vậy, lớp học có thể được chia thành từng nhóm nhỏ. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Trong nhóm nhỏ, mỗi thành viên đều phải làm việc tích cực, không thể ỷ lại vào một vài người hiểu biết và năng động hơn. Các thành viên trong nhóm giúp đỡ nhau tìm hiểu vấn đề nêu ra trong không khý thi đua với các nhóm khác. Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Các kĩ thuật dạy học tích cực như sẽ được sử dụng trong tốt chức hoạt động nhóm trên lớp để thực hiện các nhiệm vụ nhỏ nhằm đạt mục tiêu dạy học.

Như vậy, mỗi bài học bao gồm các hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng. Mỗi hoạt động học có thể sử dụng một kĩ thuật dạy học tích cực nào đó để tổ chức nhưng đều được thực hiện theo các bước như sau:

*Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của học sinh, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh; đảm bảo cho tất cả học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

*Thực hiện nhiệm vụ học tập:* khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có học sinh bị "bỏ quên".

 *Báo cáo kết quả và thảo luận:* hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho học sinh trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lí những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.

*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:* nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của học sinh; chính xác hóa các kiến thức mà học sinh đã học được thông qua hoạt động.

## II. Xây dựng kế hoạch bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

 **2.1. Với dạng bài học bổ sung mới theo yêu cầu cần đạt của CT 2018**

**CHỦ ĐỀ – NGƯỜI TIÊU DÙNG THÔNG MINH**

(2 tiết)

**A. Yêu cầu cần đạt**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.

- Phân biệt được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.

- Nêu được các cách tiêu dùng thông minh.

- Thực hiện được tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.

- Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

**2. Năng lực:**

Rèn luyện được các năng lực tự học, tự chủ, năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội ở các biểu hineej cụ thể sau:

- .Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.

- Thực hiện được tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.

**3. Phẩm chất:**

 - Rèn luyện các đức tính tốt: tiết kiệm, tự tin, tự trọng, tôn trọng người khác và ý thức trách nhiệm trong các hoạt động tiêu dùng

- Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

**B. Chuẩn bị**

- Thông tin, tình huống, phiếu học tập, phiếu bài tập (phụ lục 1, 2\_

- Học sinh: Sưu tầm thông tin về tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trong thực tế.

**C. Tổ chức các hoạt động học**

MỞ ĐẦU (Xây dựng tình huống xuất phát)

**Hoạt động 1.** Xác định vấn đề cần tìm hiểu của chủ đề

*Mục tiêu hoạt động*:

 Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Tại sao phải tiêu dùng thông minh? Làm thế nào để trở thành người tiêu dùng thông minh?

*Nôi dung hoạt động*: Xem video và trả lời câu hỏi. Xem video cảnh mua bán ở siêu thị và cho biết nhân vật nào trong đoạn video cho thấy họ tiêu dùng thông minh? Lí do nào để em khẳng định điều đó?

*Cách tiến hành hoạt động*:

 - Yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi kết quả ra giấy/vở: Theo dõi video và xác định nhân vật trong đoạn video cho thấy họ tiêu dùng thông minh? Lí do nào để em khẳng định điều đó?

- GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, thống nhất câu trả lời

- Tổ chức cho HS phát biểu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học theo gợi ý: Làm thế nào để xác định được hành vi tiêu dùng thông minh? Điều gì có thể xảy ra nếu bạn tiêu dùng không thông minh?

*Sản phẩm của hoạt động*: HS phát biểu được tại sao phải tiêu dùng thông minh? Làm thế nào để trở thành người tiêu dùng thông minh?

*Đánh giá hoạt động 1:*

Thông qua quan sát, theo dõi HS thực hiện nhiệm vụ, GV đánh giá HS về:

- Khả năng sẵn sàng tiếp nhận nhiệm vụ;

- Khả năng giải quyết nhiệm vụ: phân tích video, trả lời câu hỏi

- Khả năng phát hiện và phát biểu vấn đề.

**Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu tiêu dùng thông minh và biểu hiện của tiêu dùng thông minh**

*Mục tiêu:*

- Nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh

- Phân biệt được biểu hiện của tiêu dùng thông minh

*Hoạt động học của học sinh:*

Đọc các thông tin trong Phiếu học tập số 1 để trả lời câu hỏi:

1. Xác định các đối tượng tiêu dùng và nhân xét các hành vi tiêu dùng
2. Thế nào là người tiêu dùng ? Biểu hiện của người tiêu dùng thông minh?

*Cách thức tổ chức hoạt động:*

- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm: Hoàn thành phiếu học tập có thông tin 1, 2 (phụ lục 1)

- Hướng dẫn HS thảo luận theo các gợi ý:

+ Ai là người tiêu dùng thông minh, kém thông minh trong 2 thông tin?

+ Những chi tiết nào biểu hiện điều đó?

- Yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm nhóm:

Nhóm 1: Xác định các đối tượng tiêu dùng và nhận xét hành vi tiêu dùng

Nhóm 2: Thế nào là người tiêu dùng thông minh? Biểu hiện của người tiêu dùng thông minh?

- Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

***Sản phẩm:***

*Thông tin 1*: Bạn Mai là người tiêu dùng thông minh vì biết tìm hiểu thông tin về sản phẩm định mua, biết chọn thời điểm để mua nên mua được hàng tốt, tiết kiệm được tiền.

*Thông tin 2:* Bạn Minh là người tiêu dùng kém thông minh, không tìm hiều về sản phẩm. mua bán vội vàng, không kiểm tra sản phẩm khi nhận hàng… nên mua phải hàng giả, kém chất lượng.

Ghi nhớ:

- Tiêu dùng: việc sử dụng những của cải vật chất (hàng hóa và dịch vụ) để thoả mãn các nhu cầu của XH.

- Người tiêu dùng: người mua sắm và sử dụng những sản phẩm dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu và ước muốn cá nhân, gia đình hoặc một nhóm người.

- Người tiêu dùng thông minh: biết trang bị cho mình cách chọn lọc, biết đánh giá và sử dụng thông tin 1 cách hợp lí trong từng trường hợp tiêu dùng cụ thể .

*Biểu hiện tiêu dùng thông minh:*

- Luôn mua những thứ cần thiết, có giá trị sử dụng cao.

- Thường tìm hiểu các thông tin về sản phẩm (chất lượng, cách sử dụng…) trước khi mua.

- Không bị tác động và quyết định vội vã bởi các thông tin quãng cáo, khuyến mại.

- Thường xem xét kĩ các điều khoản có liên quan trong việc mua và sử dụng sản phẩm.

- Luôn có kế hoạch chi tiêu 1 cách chủ động, phù hợp với điều kiện.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường hàng hóa.

**Hoạt động 2.2. Ý nghĩa của tiêu dùng thông minh**

***Mục tiêu:***

 - Đánh giá được kết quả của các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh

- Trình bày được lợi ích của tiêu dùng thông minh.

***Nội dung hoạt động: Từ kết quả nghiên cứu Phiếu học tập số 1, các em cho biết:***

1. Việc tiêu dùng thông minh mang lại lợi ích gì cho người tiêu dùng?
2. Điều gì có thể xảy ra nếu tiêu dùng kém thông minh?
3. Nêu ý nghĩa của tiêu dùng thông minh

***Cách thức tổ chức hoạt động***

- Yêu cầu các nhóm thảo luận và phân tích 2 thông tin trong phiếu học tập để trả lời các câu hỏi

- Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm

- Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm theo kĩ thuật 3 2 1

***Sản phẩm:***

* Hoàn thành phiếu học tập số 1
* HS trả lời được: Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm tốt, tiết kiệm được tiền bạc và thời gian, tạo được cảm giác đang thành công và tự tin.

***Hoạt động 2.3. Cách tiêu dùng thông minh***

***Mục tiêu:*** Nêu được một số cách tiêu dùng thông minh

***Hoạt động học của học sinh:***Đọc, phân tích tình huống để trả lời câu hỏi sau:

*Có 3 người cùng đi mua quần áo một người là nhân viên văn phòng, một người là ca sĩ, một người là học sinh.*

*Câu hỏi:*

1)Theo em khi mua quần áo ba người này có lựa chọn kiểu dáng, mẫu mã giống nhau không? Em hãy chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của họ?

2) Các bước thực hiện hành vi tiêu dùng

***Cách thức tổ chức hoạt động***

- Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: phân tích tình huống để trả lời các câu hỏi để dự đoán các sản phẩm quần áo các đối tượng sẽ lựa chọn và giải thích tại sao họ lại lựa chọn sản phẩm đó. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của học

- Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảm luận: Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến trước lớp (gọi đại diện của từ 3 - 5 cặp trả lời)

- Nhận xét và đánh giá chung, đánh giá một số sản phẩm tiêu biểu của HS, chỉnh sửa những sai sót chung khi thấy cần thiết, chốt nội dung.

***Sản phẩm:***

- Sự lựa chọn của 3 người không giống nhau.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của mỗi người:

*Yếu tố xã hội:* ý kiếncủa gia đình, đồng nghiệp, bạn bè, hàng xóm…, vị trí xã hội của người đó.

*Yếu tố cá nhân:* Tuổi tác*;* điều kiện kinh tế*,* lối sống*,* công việc*,* cá tính, động cơ tiêu dùng*,* nhận thức*;* sự hiểu biết*,* niềm tin, cảm xúc…

***Kết luận:***

- Chủ động tham khảo chất lượng sản phẩm và giá cả từ nhiều kênh thông tin.

- Cân bằng giữa cảm xúc và lí trí khi mua sắm, sử dụng sản phẩm.

- Tham gia cộng đồng người tiêu dùng uy tín.

- Sử dụng sản phẩm, dịch vụ hiệu quả, không lãng phí.

- Chọn “bạn shopping” một cách lí trí.

**Hoạt động 2.4 Thực hành**

***Mục tiêu:***

- Vận dụng cách tiêu dùng thông minh để lựa chọn 1 sản phẩm

- Nêu được Các bước lựa chọn sản phẩm

***Hoạt động học của học sinh: Xử lý tình huống:*** Em hãy lựa chọn mua một sản phẩm dầu gội đầu và trả lời các câu hỏi sau:

+ Lí do nào khiến em lựa chọn loại dầu gội đầu nhãn hiệu đó?

+ Nếu lần sau mua dầu gội đầu, em có lựa chọn nhãn hiệu đó không?

+ Yếu tố nào khiến em hài lòng/không hài lòng về sản phẩm dầu gội mà em chọn?

+ Em thường thực hiện hành vi tiêu dùng như thế nào?

Cách thức tổ chức hoạt động:

Yêu cầu HS làm việc cá nhân: Suy ngẫm về hành vi của bản thân khi mua một sản phẩm hàng hóa (VD: sản phẩm là dầu gội đầu).

- Hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý:

+ Lí do nào khiến em lựa chọn loại dầu gội đầu nhãn hiệu đó?

+ Nếu lần sau mua dầu gội đầu, em có lựa chọn nhãn hiệu đó không?

+ Yếu tố nào khiến em hài lòng/không hài lòng về sản phẩm dầu gội mà em chọn?

+ Em thường thực hiện hành vi tiêu dùng như thế nào?

- Từ các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng và các bước thực hiện hành vi tiêu dùng, hướng dẫn HS nêu cách cách tiêu dùng thông minh

- các bước khi thực hiện hành vi tiêu dùng:

- Nhận biết nhu cầu

- Tìm kiếm thông tin

- Đánh giá các phương án

- Quyết định mua

- Đánh giá sau khi mua

***Sản phẩm:***

Lựa chọn được một sản phẩm dầu gội và giải thích lí do lựa chọn

Trình bày được cách lựa chọn hàng hóa

**Hoạt động 3. Luyện tập**

 Thực hành các cách tiêu dùng thông minh

*Mục tiêu hoạt động*: Thực hiện được tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.

*Nôi dung hoạt động*: Phụ lục 5

***Hoạt động 4. Vận dụng***

Mục tiêu: Rèn luyện các bước cần thực hiện để trỏe thành người tiêu dùng thông minh

Nội dung hoạt động: Cùng người thân thực hành cách trở thành người tiêu dùng thông minh và ghi chép lại kết quả thực hiện theo gợi ý sau:

Phân tích nhu cầu

Thông tim hàng hóa lựa chọn

Đánh giá sau khi mua

Sản phẩm: Bảng mô tả sản phẩm tiêu dùng đã mua theo gợi ý trên nhiệm vụ

 Phụ lục 1.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1*Thông tin 1*. Từ khi lên cấp 2, bố mẹ thường cho Mai một số tiền nhỏ để tiêu dùng hàng tháng. Mai rất trân trọng và luôn tìm cách sử dụng số tiền này một cách hợp lí. Mỗi lần định chi tiêu gì Mai đều tìm hiểu thông tin về sản phẩm mình định mua như giá cả, chất lượng hay các chương trình khuyến mại. Có lần, thấy xe đạp điện của Mai đã cũ, bố mẹ muốn mua cho Mai một chiếc xe mới nhưng sau khi khảo sát giá cả trên mạng, Mai nói với bố mẹ đừng mua vội mà hãy chờ đến dịp đầu năm học mới các hãng xe thường có chương trình khuyến mại cho học sinh. Nhờ vậy, Mai đã tiết kiệm được gần 2 triệu đồng cho bố mẹ.*Thông tin 2*: Sau tết, Minh được người thân mừng tuổi một số tiền khá lớn. Minh muốn dùng số tiền này để mua một chiếc máy tính bảng. Khi thấy một website quảng  cáo chiếc máy tính như Minh đang định mua với giá chỉ nửa so với giá niêm yết ở cửa hàng. Minh gọi điện đặt mua và thanh toán tiền luôn khi nhân viên giao hàng mang máy tính tới. Khi sử dụng sản phẩm, Minh thấy cấu hình của sản phẩm không giống với quảng cáo trên website,  tốc độ hoạt động của máy rất chậm và hay bị đơ. Lúc này Minh mới biết là mình đã mua phải hàng giả.*Yêu cầu*: - Tìm người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông tin trong 2 thông tin trên. Liệt kê các chi tiết để chứng minh điều đó.- Điều gì xảy ra đối với người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh trong 2 thông tin trên. |

Phụ lục 2

|  |
| --- |
| PHIẾU BÀI TẬP**Bài tập 1**. Em hãy xác định hành vi tiêu dùng trong các câu dưới đây bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước.A. Bạn A vận động người thân đóng góp ủng hộ người nghèo.B. Các bác nông dân ở xã O trồng rau sạch.C. Chị H lấy hàng từ các đại lí lớn về để bán hàng online.D. Em M mặc chiếc áo mới mà mẹ vừa mua cho.1. Học sinh trường THPT X tham gia hội thao cấp Cụm.
2. Mỗi tháng nhà bạn K dùng hết 15 khối nước sạch.
3. Công ty điện lực tăng giá sử dụng điện của khách hàng.
4. Vé tàu hỏa tăng vào dịp tết do nhu cầu đi lại tăng đột biến.

**Bài tập 2**. Hành vi tiêu dùng của người Việt trong các thông tin dưới đây có được xác định là tiêu dùng thông minh không? Vì sao?- Người Việt có xu hướng tiết kiệm cao nhất thế giới chiếm 79%. Số tiền tiết kiệm được thường được dùng để mua quần áo, du lịch và mua sản phẩm công nghệ.- Thói quen đi mua hàng trong chợ truyền thống của người Việt đang được chuyển dần sang các cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini…- Người Việt thích dòng sản phẩm cao cấp (chất lượng cao, chức năng tốt và thiết kế đẹp mắt) điều này giúp họ có cảm giác đang thành công và tự tin hơn.- Người Việt ngày càng quan tâm đến sức khỏe (xuất xứ, chất lượng sản phẩm)- Do người Việt dành rất nhiều thời gian để sử dụng Internet nên kênh bán hàng online cũng thu hút được lượng lớn khách hành.*Nguồn: nghiên cứu của* Nielsen |

 ***2.2. Với dạng bài học của CT hiện hành được thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2018***

**BÀI 4 – BẢO VỆ HÒA BÌNH**

(2 tiết)

**A. Yêu cầu cần đạt**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình;

- Biểu hiện của hoà bình.

- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.

- Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.

**2. Năng lực:**

Rèn luyện được các năng lực tự học, tự chủ, năng lực điều chỉnh hành vi và năng lực giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội ở các biểu hiện cụ thể như sau:

- Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.

- Phê phán hành động gây xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

**3. Phẩm chất:**

 - Rèn luyện các đức tính tốt: nhân ái, yêu nước tự tin, tự trọng, tôn trọng người khác và ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ hòa bình

- Thân thiện, đoan fkeets giúp đỡ bạn bè, người thân và cộng đồng

**B. Chuẩn bị**

Giáo viên**:** Bài hát: Trái đất là của chúng mình; Thông tin/số liệu về hậu quả do chiến tranh gây ra**;** Phiếu học tập.

Học sinh**:** Nghiên cứu thông tin trong SGK, Sưu tầm tranh ảnh về chủ đề hòa bình; Giấy, bút màu để vẽ tranh.

**C. Tổ chức các hoạt động học**

**Hoạt động 1.** Mở đầu (khởi động) Xác định vấn đề cần tìm hiểu của chủ đề

***Mục tiêu hoạt động:***

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Vì sao phải bảo vệ hòa bình? Cần làm gì, làm như thế nào để bảo vệ hòa bình?

*Nội dung hoạt động*: Hát tập thể bài “ trái đất này là cả chúng mình” và ghi lại những ca từ trong bài hát thể hiện sự hòa bình,

*Phương thức tổ chức:*

- Yêu cầu HS hát “Trái đất này là của chúng mình” và trả lời câu hỏi.

- Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo gợi ý: Nội dung bài hát nói lên điều gì? Tâm trạng của em như thế nào khi hát hoặc nghe bài hát này .

- Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Tổ chức trao đổi, thảo luận để xác định các vấn đề cần tìm hiểu của chủ đề

*Sản phẩm của hoạt động*: HS phát biểu được vì sao phải bảo vệ hòa bình? Cần làm gì, làm như thế nào để bảo vệ hòa bình

**Hoạt động 2**. **Hình thành kiến thức mới**

***Hoạt động 2.1***. ***Tìm hiểu khái niệm bảo vệ hòa bình***

*Mục tiêu hoạt động*:

- Trình bày được khái niệm hòa bình và bảo vệ hòa bình

*Nội dung hoạt động:*

Đọc, phân tích thông tin 1,2 phần phần ĐVĐ (SGK tr12), thông tin 3 (phụ lục 1) và trả lời câu hỏi:

- Nêu sự đối lập giữa chiến tranh và hoà bình?

- Hãy phân biệt chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa.

- Theo em thế nào là bảo vệ hòa bình.

*Cách thức tổ chức hoạt động:*

Yêu cầu HS làm việc cặp đôi, tích thông tin 1,2 phần phần ĐVĐ (SGK tr12), thông tin 3 (phụ lục 1) và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức cho HS báo cáo kết quả nhóm
* Tổ chức cho HS nhận xét, thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, khuyến khích nhận xét theo kĩ thuật 3.2.1

***Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các biểu hiện của bảo vệ hòa bình***

*Mục tiêu hoạt động:* Phân biệt được các biểu hiện của bảo vệ hòa bình/ chưa bảo vệ hòa bình trong cuộc sống

*Nội dung hoạt động:* Nêu những biểu hiện về bảo vệ hòa bình trong cuộc sống hàng ngày.

*Cách thức tổ chức hoạt động:*

-Yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận để liệt kê các biểu hiện bảo vệ hòa bình và chưa bảo vệ hòa bình, kèm theo ví dụ minh họa

* Tổ chức cho HS báo cáo kết quả nhóm
* Tổ chức cho HS nhận xét, thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, khuyến khích nhận xét theo kĩ thuật 3.2.1

***Hoạt động 2.3. Giải thích ý nghĩa của bảo vệ hòa bình***

Mục tiêu: Trình bày được ý nghĩa của bảo vệ hòa bình

Nội dung hoạt động: Thảo luận về ý nghĩa của bảo vệ hòa bình

*Cách thức tổ chức hoạt động:*

Yêu cầu HS làm việc cặp đôi, phân tích các kết quả trong các ví dụ về bảo vệ hòa bình/ chưa bảo vệ hòa bình để rút ra ý nghĩa của bảo vệ hòa bình

* Tổ chức cho HS báo cáo kết quả nhóm
* Tổ chức cho HS nhận xét, thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, khuyến khích nhận xét theo kĩ thuật 3.2.1

***Sản phẩm có từ hoạt động***;

Hoạt động 2.1

- Bảo vệ hòa bình: Những hoạt động gìn giữ cuộc sống xã hội yên bình.

Hoạt động 2.2:

- Biểu hiện: Dùng thương lượng, đàm phán để giải quyết mâu thuẫn, xung đột; Ngăn ngừa chiến tranh và xung đột vũ trang; Xây dựng hệ hợp tác, hữu nghị..

Hoạt động 2.3

- Ý nghĩa: Mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho con người

- Biểu hiện của bảo vệ hòa bình trong đời sống: Biết lắng nghe ý kiến của người khác, biết học hỏi những tinh hoa, điểm mạnh của người khác, sống hoà đồng với mọi người, không phân biệt đối xử, kì thị với người khác...

***Hoạt động 2.4.*** ***Tìm hiểu biện pháp bảo vệ hòa bình***

*Mục tiêu hoạt động*:

- Nêu được tên những biện pháp bảo vệ hoà bình

- Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

*Nội dung hoạt động:* Quan sát 8 hình ảnh (phủ lục 2) và cho biết:

1. Những hình ảnh nào mô tả sự xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa?
2. Hãy nhận xét và phát biểu quan điểm của mình về các hinh ảnh.

3) Các biện pháp cần thiết để ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hoà bình? Nêu ví dụ minh họa

*Cách thức tổ chức hoạt động:*

* Yêu cầu HS làm việc cá nhân: quan sát hình ảnh, đọc thông tin để trả lời câu hỏi
* Hướng dẫn HS trao đổi cặp đôiđể hoàn thiện các câu hỏi.
* Tổ chức cho HS báo cáo kết quả nhóm
* Tổ chức cho HS nhận xét, thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, khuyến khích nhận xét theo kĩ thuật 3.2.1

*Sản phẩm:*

*Sản phẩm hoạt động:*

- Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền ngăn ngừa chiến tranh, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

- Thể hiện thái độ không đồng tình, lên án, phê phán xung đột sác tộc, chiến tranh phi nghĩa bằng những hành động cụ thể : Viết bài, tham gia các hoạt động bảo vệ hòa bình, lên án chiến tranh do nhà trường, địa phương tổ chức.

- Học tập tích cực, rèn luyện tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau vì cuộc sống chung yên bình và hạnh phúc.

**Hoạt đông 3. Luyện tập**

*Mục tiêu hoạt động:* Củng cố các kiến thức, kĩ năng về khái niệm bảo vệ hòa bình; biểu hiện bảo vệ hòa bình; ý nghĩa của bảo vệ hòa bình và biện pháp bảo vệ hòa bình

*Nội dung hoạt động*:

1) Trả lời câu hỏi/bài tập trong bài tập 1,2,3 SGK tr14)

2) Chơi trò chơi “Nói lời yêu thương theo nhóm và chia sẻ cảm xúc của em khi nói hoặc nhận được lời yêu thương từ bạn bè?

*Sản phẩm hoạt động:*

- Hoàn thành các bài tập trong SGK

- Chia sẻ được suy nghĩ cảm xúc của bản thân vhững lời nói, việc làm thể hiện sự thân thiện, chân thành

Thông điệp: Chúng em yêu hoà bình; Chúng em ghét chiến tranh; Hoà bình là
hạnh phúc của chúng ta ; Thế giới là ngôi nhà chung…

***Hoạt động 4. Vận dụng***

*Mục tiêu hoạt động*: Vận dụng được kiến thức đã học vào đời sống

Nội dung hoạt động: Viết bài tuyên truyền chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình để đưa lên bản tin của nhà trường.

*Sản phẩm hoạt động*

- Bài tuyên truyền hoàn chỉnh về chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình

Phụ lục 1

|  |
| --- |
| **Hòa bình (peace)** Hòa bình không chỉ là sự vắng bóng chiến tranh. Nền hòa bình thế giới chỉ bền vững khi ở trong một bầu không khý phi bạo lực, biết lắng nghe, chấp nhận, có sự công bằng và giao tiếp rõ ràng. Hòa bình khởi nguồn từ chính trong tâm tưởng của mỗi người chúng ta. Hòa bình là một trạng thái tinh thần điềm tĩnh và thư giãn, là một sự tĩnh lặng, thanh thản bên trong mỗi con người cùng với sức mạnh của chân lí và sự thật. Hòa bình có được khi mọi tư tưởng, tình cảm và ước muốn của con người đều trong sáng. Hòa bình là một nguồn năng lượng tích cực. Để sống trong hòa bình, bình an, ta cần có lòng trắc ẩn và sức mạnh từ nội tâm. Hòa bình không có nghĩa là vắng bóng sóng gió mà chính con người vẫn giữ được lòng thanh thản, bình an giữa những biến động, hỗn loạn. Hòa bình là đặc trưng của một xã hội văn minh, là nền tảng để phát triển xã hội bền vững. *Theo TL “ Giáo dục văn hóa hòa bình” của UNESCO* |

Phụ lục 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loạt ảnh Chiến tranh Việt Nam khiến nhân loại nghẹn lòng | ptkp | Redsvn-Vietnam-war-Pulitzer-02 | Đau lòng những gương mặt trẻ thơ trong chiến tranh 26 |
| https://3.bp.blogspot.com/-6tBwBLvwPto/XBcCf7R3gdI/AAAAAAAB8vM/nHsnhi-ONsYbWTMA6XbFXVM7nRfnAh2vACLcBGAs/s640/Thon%2BSinh%2BTan%2B08.jpg | Cuộc đời là những lời chào gặp mặt và tạm biệt... - GUU.vn | Cận cảnh cuộc sống ở ngôi làng chưa từng biết đến điện lưới - Amazing  Vietnam | ve-may-bay-di-hoa-binh |

## III. Kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

**3.1. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá**

***3.1.1. Hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học môn GDCD cấp THCS***

**a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:**

*Khái niệm:* Đánh giá thường xuyênhay còn gọi là đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học môn học, cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động dạy, và hoạt động học tập. Đánh giá thường xuyên được xem là đánh giá vì quá trình học tập hoặc vì sự tiến bộ của HS.

*Mục đích đánh giá:*Thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả học tập của HS trong quá trình học để cung cấp những phản hồi cho HS và GV biết những gì họ đã làm được so với mục tiêu, yêu cầu của bài học, của CT và những gì họ chưa làm được để điều chỉnh hoạt động dạy và học. Đánh giá thường xuyên đưa ra những khuyến nghị để HS có thể làm tốt hơn những gì mình chưa làm được, từ đó nâng cao kết quả học tập trong thời điểm tiếp theo.

 *Nội dung đánh giá:* Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện được giao: GV không chỉ giao nhiệm vụ, xem xét HS có hoàn thành hay không, mà phải xem xét từng HS hoàn thành thế nào (có chủ động, tích cực, có khó khăn gì... có hiểu rõ mục tiêu học tập và sẵn sàng thực hiện,...). GV thường xuyên theo dõi và thông báo về sự tiến bộ của HS hướng đến việc đạt được các mục tiêu học tập/giáo dục;

 *Thời điểm đánh giá*: Thực hiện linh hoạt trong quá trình dạy học và giáo dục, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá. Mục đích chính là khuyến khích HS nỗ lực học tập, vì sự tiến bộ của HS.

*Đối tượng tham gia đánh giá:* GV đánh giá, HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, phụ huynh đánh giá và đoàn thể, cộng đồng đánh giá.

 *Phương pháp, công cụ đánh giá:*

Phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên có thể là hỏi - đáp, quan sát, thực hành, đánh giá qua hồ sơ và sản phẩm học tập…

Công cụ dùng trong đánh giá thường xuyên có thể là phiếu quan sát, các thang đo, bảng kiểm, thẻ kiểm tra/phiếu kiểm tra, các phiếu đánh giá tiêu chí (rubric), phiếu hỏi, hồ sơ học tập, các loại câu hỏi... được GV tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn.

 *Các yêu cầu, nguyên tắc khi thực hiện:*

Cần xác định rõ mục tiêu để từ đó xác định được phương pháp hay kĩ thuật sử dụng trong đánh giá thường xuyên;

Các nhiệm vụ đánh giá thường xuyên được đề ra phải nhằm mục đích hỗ trợ, nâng cao hoạt động học tập, nhấn mạnh đến tự đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí của bài học và phương hướng cải thiện để đạt kết quả tốt hơn nữa;

Việc nhận xét trong đánh giá thường xuyên tập trung cung cấp thông tin phản hồi chỉ ra các nội dung cần chỉnh sửa, đồng thời đưa ra lời khuyên cho hành động tiếp theo (ngay trước mắt HS phải làm gì... và làm bằng cách nào?);

Không so sánh HS này với HS khác, hạn chế những lời nhận xét tiêu cực, trước sự chứng kiến của các bạn học, để tránh làm thương tổn HS;

Mọi HS đều có thể thành công, GV không chỉ đánh giá kiến thức, kĩ năng... mà phải chú trọng đến đánh giá các năng lực, phẩm chất (tự quản, tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề... tự tin, trách nhiệm, đoàn kết yêu thương) trên nền cảm xúc/ niềm tin tích cực... để tạo dựng niềm tin, nuôi dưỡng hứng thú học tập;

Đánh giá thường xuyên phải thúc đẩy hoạt động học tập, tức là giảm thiểu sự trừng phạt/ đe dọa/chê bai HS, đồng thời tăng sự khen ngợi, động viên.

 *Minh chứng đánh giá thường xuyên:* GV cần thu tập minh chứng về các hoạt động học của HS, bao gồm các minh chứng định tính (kết quả quan sát, ghi chép của GV; bản tự đánh giá, bản khảo sát; bản nhận xét của các bạn, nhóm bạn; ý kiến nhận xét cảu cha mẹ HS, của cộng đồng…) và cả những minh chứng được lượng hóa (số lần tham gia hoạt động nhóm, số lượng và chất lượng sản phẩm học tập, kết quả các bài kiểm tra định kì, học kì…). Những minh chứng này gắn với quá trình đánh giá sự tích cực, chủ động của khi tham gia các hoạt động học tập; sự hứng thú, tự tin, cam kết, trách nhiệm của HS khi thực hiện các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

Kết quả đánh giá thường xuyên của mỗi HS trong lớp là thông tin quan trọng giúp GV tìm ra cách thức điều chỉnh nội dung dạy học hoặc phương pháp dạy học cho phù hợp hơn với HS.

Việc đánh giá thường xuyên diễn ra chủ yếu trên lớp học. Do đó kết quả của việc đánh giá thường xuyên thường được GV thông báo trực tiếp cho HS tại thời điểm diễn ra hoạt động đánh giá. Việc GV cần làm là luôn khẳng định những phần kết quả tích cực HS đã hoàn thành hoặc hoàn thành tốt, quan trọng hơn, GV cần đưa ra những lời góp ý, hướng dẫn để HS biết cách làm tốt hơn những điều HS chưa làm được.

Kết quả đánh giá thường xuyên mỗi HS nếu có biến động bất thường (tiến bộ nhanh, hoặc sụt giảm) sẽ được GV thông báo với cha mẹ HS để kịp thời phối hợp nhằm động viên, khuyến khích con trong học tập hoặc tạo điều kiện hơn, hỗ trợ con nhiều hơn trong học tập. GV có thể cung cấp những bằng chứng thu thập được qua quan sát, qua vấn đáp và qua bài viết trong quá trình đánh giá thường xuyên để phụ huynh biết được mặt mạnh, mặt yếu của con mà tiếp tục hỗ trợ, động viên con trong thời gian tiếp theo.

Khi phân loại HS vào cuối mỗi năm học, GV không chỉ căn cứ vào kết quả kiểm tra cuối năm học mà cần căn cứ vào cả kết quả đánh giá thường xuyên mỗi HS trong cả quá trình học để đưa ra quyết định, Ví dụ: cho HS cơ hội làm lại bài kiểm tra cuối năm nếu như HS có kết quả kiểm tra cuối năm thấp bất thường (đạt 4-5 điểm) trong khi kết quả đánh giá thường xuyên của HS đó lại thường ở mức hoàn thành tốt.

***b)******Kiểm tra, đ*ánh giá định kì**

*Khái niệm:* Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh so với yêu cầu cần đạt so với quy định trong chương trình giáo dục phổ thông và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

*Mục đích:* Mục đích chính của đánh giá định kì là thu thập thông tin từ học sinh để đánh giá thành quả học tập và giáo dục sau một giai đoạn học tập nhất định. Dựa vào kết quả này để xác định thành tích của học sinh, xếp loại học sinh và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

*Nội dung:* Đánh giá mức độ thành thạo của HS ở các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực sau một giai đoạn học tập (giữa kỳ)/ cuối kì.

*Thời điểm:* Đánh giá định kì thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kỳ, cuối kỳ).

*Người thực hiện:* Người thực hiện đánh giá định kì có thể là: GV đánh giá, nhà trường đánh giá và tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

*Phương pháp, công cụ:*

Phương pháp đánh giá định kì có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; hỏi – đáp

Công cụ đánh giá định kì có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu…

*Các yêu cầu, nguyên tắc khi thực hiện:*

Đa dạng hoá trong sử dụng các phương pháp và công cụ đánh giá;

Chú trọng sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá được những biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi, kết quả sản phẩm học tập của học sinh gắn với các chủ đề học tập và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá trên máy tính để nâng cao năng lực tự học cho học sinh.

*3.1.1.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá*

 **Phương pháp kiểm tra viết**

Kiểm tra viết là phương pháp kiểm tra phổ biến, được sử dụng đồng thời với nhiều HS cùng một một thời điểm, được sử dụng sau khi học xong một phần của chương, một chương hay nhiều chương, hoặc sau khi học xong toàn bộ chương trình môn học, nội dung kiểm tra có thể bao quát từ vấn đề lớn có tính chất tổng hợp đến vấn đề nhỏ, HS phải diễn đạt câu trả lời bằng ngôn ngữ viết.

Phương pháp kiểm tra viết có các dạng chủ yếu sau:

Dạng viết tự luận: Là phương pháp GV thiết kế câu hỏi, bài tập, HS xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập trên bài kiểm tra viết. Một bài kiểm tra tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi phải viết nhiều câu để trả lời và cần phải có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, nó cho phép một sự tự do tương đối nào dó để trả lời các vấn đề đặt ra.

Câu tự luận thể hiện gồm 2 loại: câu luận có sự trả lời mở rộng và câu tự luận trả lời có giới hạn,

Dạng trắc nghiệm khách quan:Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản hay một từ, một cụm từ.

Câu trắc nghiệm khách quan bao gồm các loại sau: Câu nhiều lựa chọn; Câu đúng – sai; Câu điền vào chỗ trống; Câu ghép đôi:

**Phương pháp quan sát**

Quan sát là phương pháp đề cập đến việc theo dõi HS thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do HS làm ra (quan sát sản phẩm).

Với phương pháp quan sát, GV phải quan tâm đến những hành vi của HS như quan hệ tương tác giữa các em với nhau trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các HS khác, mất tập trung, mặt có vẻ lúng túng, kiên nhẫn chờ đến lượt mình, giơ tay phát biểu trong giờ học, ăn mặc xoàng xĩnh, và không ngồi yên được quá ba phút. Khi HS nộp báo cáo đề tài môn khoa học, vẽ một bức tranh tĩnh vật, tạo ra được một dụng cụ làm thí nghiệm, hoặc hoàn thành kế hoạch trong lớp, GV sẽ quan sát và cho ý kiến về các sản phẩm các em làm ra.

Phương pháp quan sát có các dạng quan sát chủ yếu sau: - Quan sát được tiến hành chính thức và định trước; Quan sát không được định sẵn và không chính thức. Cả 2 dạng này đều là những kĩ thuật giúp GV thu thập thông tin quan trọng trong lớp học.

Để tiến hành quan sát có hiệu quả, GV cần sử dụng các loại công cụ để thu thập thông tin như: Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo và bảng kiểm, bảng đánh giá theo tiêu chí,…

**Phương pháp hỏi – đáp**

Hỏi - đáp là nhóm phương pháp GV thường sử dụng để thu thập dữ liệu trong kiểm tra đánh giá trên lớp. Cách thức tiến hành của phương pháp này là GV đặt câu hỏi và HS trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà HS cần nắm, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng, đào sâu những tri thức mà HS đã học.

Phương pháp hỏi - đáp cung cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về HS. Do vậy, việc làm chủ, thành thạo các kĩ thuật đặt câu hỏi đặc biệt có ích đối với GV khi tiến hành đánh giá, nhất là khi cần ôn lại một chủ đề trước đó, suy nghĩ về một chủ đề mới, xem HS có hiểu bài hay không và thu hút sự chú ý của một HS nào đó đang mất tập trung. GV có thể thu thập được thông tin mình muốn mà không cần đến bất kỳ một loại đánh giá viết nào. Hỏi - đáp là một đặc trưng rất phổ biến của mọi lớp học và sau mỗi chủ đề dạy học, đây là hoạt động dạy học thường dùng nhất.

Phương pháp hỏi - đáp có các dạng cơ bản sau: gợi mở; củng cố; tổng kết; kiểm tra.

**Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập**

Hồ sơ là tập hợp các bài tập, bài kiểm tra, bài thực hành, sản phẩm công việc, bằng video, ảnh,… đã hoàn thành một cách tốt nhất. Chúng có thể được sử dụng như là bằng chứng về quá trình học tập và sự tiến bộ của HS. Chúng cũng có thể sử dụng như là bằng chứng của đánh giá tổng kết, như là bằng chứng về các tiêu chuẩn cần đạt.

Các danh mục (hay còn gọi là mẫu nhiệm vụ) trong hồ sơ học tập luôn đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của HS, nhất là các khóa học tiếp cận năng lực. Yêu cầu HS thiết lập, trình bày các danh mục trong hồ sơ là một cách đánh giá hiệu quả, nó liên quan đến việc thu thập các vật liệu nhằm cung cấp bằng chứng rõ ràng về tiêu chí cần đánh giá. Hồ sơ cần được tổ chức tốt, có mục lục tra cứu dễ dàng.

Thường có hai loại hồ sơ: hồ sơ quá trình; hồ sơ sản phẩm

**Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập**

Đây là phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS khi những kết qủa ấy được thể hiện bằng cách sản phẩm như bức vẽ, bản đồ, đồ thị, đồ vật, sáng tác, chế tạo, lắp ráp…Như vậy, sản phẩm là các bài làm hoàn chỉnh, được HS thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

Các dạng sản phẩm học tập***:*** Sản phẩm giới hạn ở những kĩ năng thực hiện trong phạm vi hẹp; Sản phẩm đòi hỏi HS phải sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, các kĩ năng có tính phức tạp hơn, và mất nhiều thời gian hơn. Sản phẩm này có thể đòi hỏi sự hợp tác giữa các HS và nhóm HS, thông qua đó mà GV có thể đánh giá được năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS.

Đánh giá qua sản phẩm học tập giúp cho việc giảng dạy gắn với thực tiễn, kích thích hứng thú học tập của HS, làm cho môn học trở nên ý nghĩa hơn, HS học tập năng động hơn. Thông qua sản phẩm hoạt động, HS có thể tự đánh giá được khả năng thực hiện của mình. Trọng tâm của đánh giá sản phẩm là hướng vào những gì HS đã làm nên HS có cơ hội để thể hiện điều đã học theo các cách khác nhau, nhờ đó mà phát huy được tính sáng tạo cho HS.

*3.1.1.3. Công cụ kiểm tra, đánh giá*

 **Câu hỏi:**

Câu hỏi là một trong các công cụ khá phổ biến được dùng trong kiểm tra, đánh giá. Câu hỏi có thể được sử dụng trong kiểm tra miệng, kiểm tra viết với các dạng: tự luận, trắc nghiệm trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bảng hỏi ngắn, thẻ kiểm tra, bảng KWLH…

Các loại câu hỏi và cách sử dụng:

*\* Câu hỏi trắc nghiệm khách quan,* là một loại công cụ kiểm tra đánh giá, câu trắc nghiệm mang tên khách quan vì cách cho điểm mang tính khách quan, không phụ thuộc vào người chấm.

Có nhiều loại câu trắc nghiệm khách quan, mỗi loại có ưu nhược điểm riêng, việc sử dụng loại trắc nghiệm nào phụ thuộc vào mục đích đánh giá, loại kiến thức cần đo lường và phụ thuộc và những điểm mạnh, điểm yếu của từng loại.Dưới đây là một số loại trắc nghiệm được sử dụng trong kiểm tra đánh giá:

- Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: là loại trắc nghiệm thông dụng nhất, còn gọi là trắc nghiệm đa phương án, gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn. Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bỏ lửng (câu chưa hoàn tất) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời (thường là 4 hoặc 5 phương án trả lời). Người trả lời sẽ chọn một phương án trả lời duy nhất đúng hoặc đúng nhất, hoặc không có liên quan gì nhất trong số các phương án cho trước. Những phương án còn lại là phương án nhiễu.

Ví dụ: Hành động nào dưới đây là biểu hiện của yêu thương con người?

A. Giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

B. Ganh tị với những điều người khác có được.

C. Chỉ giúp đỡ những người có giá trị lợi dụng.\

D. Thấy người gặp nạn nhưng coi như không biết.

- Trắc nghiệm điền khuyết:là loại trắc nghiệm đòi hỏi học sinh cung cấp câu trả lời một hay một ít từ cho một câu hỏi trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ.

Ví dụ: Hoàn thiện câu tục ngữ sau: “Lá lành đùm ….”

- Trắc nghiệm ghép đôi:là loại trắc nghiệm thường có hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp. Chúng cần được ghép lại với nhau theo kiểu tương ứng một - một. Hai dãy thông tin này không nên có số câu bằng nhau để cho cặp ghép cuối cùng không chỉ đơn giản là kết quả của sự loại trừ liên tiếp.

Ví dụ: Ghép nội dung ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| Yêu thương con người | Chủ động làm các công việc của mình. |
| Siêng năng, kiên trì | Giúp đỡ trẻ em nghèo đi học. |
|  | Cố gắng tìm ra lời giải cho 1 bài toán khó. |

- Trắc nghiệm đúng sai: là loại trắc nghiệmđược trình bày dưới dạng một câu phát biểu và thí sinh trả lời bằng cách lựa chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

 Ví dụ: Hãy chọn phương án đúng, sai bằng cách đánh dấu (X) vào các cột tương ứng trong bảng dưới đây:

Biểu hiện nào dưới đây thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| Thường xuyên tập luyện thể dục, thể thao đều đặn để có sức khỏe tốt  |  |  |
| 1. Thấy bài toán khó thà để lại chứ nhất quyết không hỏi người khác.
 |  |  |
| 1. Vừa thấy bài khó là mang đi hỏi cô ngay.
 |  |  |
| Tự mình cố gắng tìm lời giải cho 1 bài toán khó |  |  |

 *\* Câu hỏi tự luận,* là loại công cụ được thiết kế để yêu cầu HS xây dựng câu trả lời hoặc làm bài tập, bài kiểm tra viết. Một bài kiểm tra dạng tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi HS phải viết nhiều câu trả lời và cần phải có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, bài luận cho phép một sự tự do tương đối nào đó để HS trả lời các vấn đề đặt ra. Câu tự luận thường được thể hiện ở hai dạng sau đây:

 *-* Câu tự luận có sự trả lời mở rộng, là loại câu có phạm vi rộng và khái quát. HS có thể có nhiều lời giải đúng, loại câu này được dùng để đánh giá mức độ hiểu và vận dụng kiến thức, tính sáng tạo của HS qua việc phân tích, tổng hợp, khái quát... để HS không chỉ xác định đó là câu trả lời đúng mà còn hiểu được tại sao, làm thế nào để có câu trả lời ấy và khẳng định là câu hỏi có nhiều lời giải đúng.

Ví dụ: Em hãy xây dựng và giải trình về một kế hoạch khảo sát nhằm xác định tình trạng ô nhiễm môi trường tại nơi em đang cư trú (có đồng đều giữa các vùng khác nhau, hay chỉ tập trung ở những địa điểm nhất định). Giải thích tại sao kế hoạch của em lại khả thi.

- Câu tự luận trả lời có giới hạn, là loại câu hỏi được diễn đạt chi tiết, phạm vi câu hỏi được nêu rõ để HS biết được độ dài ước chừng của câu trả lời. Loại câu này đề cập tới những vấn đề cụ thể, nội dung hẹp hơn nên đỡ mơ hồ hơn đối với người trả lời; do đó việc chấm điểm dễ hơn và có độ tin cậy cao hơn so với câu luận mở.

 Ví dụ Hãy viết ra ba việc làm thể hiện trách nhiệm của em trong việc bảo vệ môi trường. Với mỗi việc làm em hãy viết một đoạn giải thích ngắn.

*\* Câu hỏi vấn đáp*, là một dạng công cụ được sử dụng cho việc hỏi và đáp giữa GV và HS, qua đó thu được thông tin về kết quả học tập của HS, được sử dụng sau khi học một hay nhiều bài, một hay nhiều chương hay toàn bộ giáo trình. Kiểm tra bằng câu hỏi vấn đáp có thể sử dụng ở mọi thời điểm trong tiết học cũng như trong khi thi cuối học kì hoặc cuối năm học, HS cần trình bày diễn đạt bằng ngôn ngữ nói. Tuỳ theo vị trí, mục đích, nội dung của bài học, người ta chia vấn đáp thành những dạng hỏi đáp cơ bản sau:

- Hỏi - đáp gợi mở*:* là hình thức GV khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở dẫn dắt HS rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được.

Ví dụ: Tại sao tác giả lại kết thúc câu chuyện về “Tự chủ” trong đọan video vừa xem theo cách đó?

- Hỏi - đáp củng cố: Được sử dụng sau khi thực hiện các hoạt động hình thành kiến thức, kĩ năng mới, giúp HS củng cố được những kiến thức và kĩ năng cơ bản nhất một cách hệ thống.

Ví dụ: Sau khi tổ chức cho HS xem xong video về “Tiêu dùng thông minh”, GV đặt câu hỏi:

Nếu không có tiêu dùng thì: …………………………………………

Nếu tiêu dùng thông minh thì: …………………………......................

Nếu tiêu dùng không thông minh thì:…….................................................

Nếu tìm được cách tiêu dùng thông minh thì…………………

Nêu kết luận........................................

- Hỏi - đáp tổng kết: được sử dụng khi cần dẫn dắt HS khái quát hoá, hệ thống hoá những tri thức đã học sau một vấn đề, một chủ đề, một phần hay một môn học nhất định. Phương pháp này giúp HS phát triển năng lực khái quát hoá, hệ thống hoá, tránh nắm bắt những đơn vị tri thức rời rạc - giúp cho các em phát huy tính mềm dẻo của tư duy.

Ví dụ: Ai có thể tóm tắt lại toàn bộ những vấn đề về “Hanh vi tiêu dùng thông minh” mà lớp mình đã thảo luận hôm nay:

- Hỏi - đáp kiểm tra: được sử dụng trước, trong và sau giờ học hoặc sau một vài bài học giúp GV đánh giá được nhận thức, kĩ năng của HS một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung ngay nếu cần thiết. Nó cũng giúp HS tự kiểm tra .

Ví dụ: Ai có thể giải thích: Ở đoạn video trên, muốn khởi nghiệp từ việc kinh doanh cửa hàng bán quần áo thể thao, anh Minh sẽ phải đưa ra mức giá sản phẩm như thế nào để luôn có lãi ?

*\* Bảng hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nền,* là loại công cụvới những câu hỏi mở hoặc đóng hoặc một bài trắc nghiệm đơn giản là dạng bảng hỏi để kiểm tra kiến thức nền của HS, trong đó yêu cầu HS hoàn thành trước khi bắt đầu một môn học hoặc một bài học mới.

Với dạng câu hỏi này, GV thường viết các câu hỏi lên bảng hoặc lên giấy để phát cho HS, hướng dẫn HS cách trả lời và thông báo cho HS biết kết quả của bài kiểm tra không ảnh hưởng tới kết quả học tập môn học mà nhằm mục đích giúp GV và HS xây dựng được kế hoạch dạy học hiệu quả.

Ví dụ: Bảng hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nền

|  |
| --- |
| *Viết hiểu biết của em về những nội dung dưới đây vào ô tương ứng ở cột bên:* |
| Nội dung | Trả lời |
| 1. Tiêu dùng. |  |
| 2. Người tiêu dùng. |  |
| 3. Tiêu dùng thông minh |  |

**Bài tập**

Bài tập là loại công cụ kiểm tra, đánh giá, trong đó chứa các vấn đề cần phải giải quyết. Bài tập thường được trình bày dưới dạng câu hỏi, bài tập có thể là một câu hỏi nhưng không phải bất kỳ câu hỏi nào cũng là bài tập vì bài tập vừa có dữ liệu (điều kiện), vừa có yêu cầu (hoặc câu hỏi). Để giải quyết bài tập HS phải căn cứ vào dữ liệu đã cho để tìm câu trả lời chính xác.

Các loại bài tập và cách sử dụng

*\* Bài tập tình huống* là những tình huống xảy ra trong quá trình dạy học được cấu trúc dưới dạng bài tập. Trong dạy học và kiểm tra đánh giá môn GDCD thì bài tập tình huống là một công cụ đánh giá được sử dụng phổ biến. Công cụ này được đánh giá là hữu ích trong việc dạy học những nội dung kiến thức môn GDCD về giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật.

Bài tập tình huống được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, trong kiểm tra viết thông qua thảo luận nhóm, làm việc cá nhân hoặc toàn lớp.

Bài tập tình huống có hai phần: Mô tả tình huống; Câu hỏi của GV (nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện).

Yêu cầu xây dựng bài tập: Bài tập tình huống không có sẵn mà GV cần xây dựng (tình huống giả định) hoặc lựa chọn trong thực tiễn (tình huống thực). Cả hai trường hợp này, GV phải tuân thủ một số yêu cầu sau: Cần liên hệ với kinh nghiệm hiện tại cũng như cuộc sống, nghề nghiệp trong tương lai của HS; Có thể diễn giải theo cách nhìn của HS và để mở nhiều hướng giải quyết; Chứa đựng mâu thuẫn và vấn đề có thể liên quan đến nhiều phương diện; Cần vừa sức và có thể giải quyết trong những điều kiện cụ thể; Cần có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau; Có tính giáo dục, có tính khái quát hóa, có tính thời sự..

 Ví dụ:Hoa sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ. Bố Hoa là công dân Việt Nam, còn mẹ là công dân Hoa Kỳ. Khi Hoa mới sinh ra, bố mẹ Hoa đã làm giấy khai sinh cho Hoa tại Hoa Kỳ và thỏa thuận để cho Hoa mang quốc tịch Việt Nam. Các bạn trong lớp nói Hoa là công dân Hoa Kỳ, Hoa băn khoăn, không hiểu các bạn ấy nói có đúng không ?

Hãy sử dụng kiến thức pháp luật để giúp Hoa giải đáp băn khoăn ?

*\* Bài tập thực hành:* là dạng bài tập yêu cầu HS thực hiện một nhiệm vụ thực hành môn học để rèn luyện các kĩ năng học tập các nội dung của môn học. Bài tập thực hành nhằm hướng tới phát triển và rèn luyện ở học sinh các kĩ năng cụ thể như viết, vẽ, thực hiện nhiệm vụ...

Ví dụ 1: Em hãy vẽ tranh tuyên truyền về quyền trẻ em và việc bảo vệ quyền trẻ em; Em hãy viết bài tham dự cuộc thi Tiếng nói trẻ em để bày tỏ mong muốn quyền trẻ em được đảm bảo và thực hiện tốt hơn.

**Thang đo/phiếu quan sát**,

- Thang đo là dạng công cụ để thông báo kết quả đánh giá thông qua quan sát hoặc tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Giá trị của nó trong việc đánh giá hoạt động học tập của HS phụ thuộc vào việc nó có được xây dựng tốt hay không và có được sử dụng hợp lí hay không.

- Các loại thang đo:

*Thang đo dạng số*: Người sử dụng đánh dấu hoặc khoanh vào một con số chỉ mức độ biểu hiện của một phẩm chất ở HS. Thông thường, mỗi con số chỉ mức độ được mô tả bằng lời và sự mô tả này thống nhất ở tất cả các câu trong thang đo. Đôi khi người sử dụng thang đo chỉ được chỉ dẫn rằng con số to nhất là chỉ mức độ cao nhất, con số nhỏ nhất là chỉ mức độ thấp nhất, những số ở giữa là chỉ các giá trị trung bình.

Ví dụ: Thang đo dạng số

|  |
| --- |
| Hướng dẫn: Em hãy chỉ ra mức độ tham gia vào buổi thảo luận chung của lớp bằng cách khoanh tròn vào những con số tương ứng. Trong đó: 5 – rất tích cực, 4 – tích cực, 3 – trung bình; 2 – ít tích cực, 1 – không tham gia. 1. Em tham gia thảo luận ở mức độ nào? **1 2 3 4 5** |

*Thang đo dạng đồ thị:* Thang đo dạng đồ thị mô tả các mức độ biểu hiện của hành vi theo một trục đường thẳng. Người quan sát đánh dấu vào đoạn thẳng đó. Một hệ thống các mức độ được xác định ở những vị trí nhất định trên đoạn thẳng nhưng người đánh giá vẫn có thể đánh dấu vào điểm giữa các mức độ trên đoạn thẳng.

Ví dụ: Thang đo dạng đồ thị

|  |
| --- |
| Hướng dẫn: Em hãy chỉ ra tần xuất tham gia vào các hoạt động chung của lớp bằng cách đánh dấu X vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi.1. Em tham gia vào các hoạt động của lớp như thế nào?

Không bao giờ Hiếm khi Thỉnh thoảng Khá thường xuyên Rất thường xuyên |

*Thang đo dạng đồ thị có mô tả*: Thang đo này sử dụng những cụm từ mô tả để xác định các mức độ trên đoạn thẳng. Sự mô tả này chỉ ra những khác biệt trong biểu hiện hành vi của HS ở những mức độ khác nhau. Một số thang đo chỉ mô tả điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối. Một số thang đo khác mô tả dưới mỗi điểm của đoạn thẳng. Đôi khi có một đoạn trống ở dưới mỗi câu hỏi để người quan sát cho thêm ý kiến về cách lựa chọn mức độ của mình.

Ví dụ: Thang đo dạng đồ thị có mô tả

|  |
| --- |
| Hướng dẫn: Em hãy chỉ ra mức độ tham gia vào buổi thảo luận chung của lớp bằng cách đánh dấu X vào bất cứ điểm nào trên đoạn thẳng dưới mỗi câu hỏi. Ở phần nhận xét hãy ghi thêm những gì giải thích cho cách đánh giá của em.1. Em tham gia thảo luận ở mức độ nào?

Không bao giờ tham gia, Tham gia bằng với những Tham gia nhiều hơn bất cứ yên lặng, thụ động bạn khác trong nhóm bạn nào trong nhóm1. Những ý kiến đưa ra liên quan đến chủ đề thảo luận ở mức độ nào?

Ý kiến đi xa khỏi chủ đề, Ý kiến thường phù hợp Ý kiến luôn luôn đang được thảo luận đôi khi hơi xa chủ đề phù hợp với chủ đề |

**Bảng kiểm (Bảng kiểm tra),**

Bảng kiểm là dạng công cụcó hình thức và sử dụng gần giống như thang đo. Tuy nhiên thang đo đòi hỏi người đánh giá chỉ ra mức độ biểu hiện của một phẩm chất hoặc mức độ thường xuyên của một hành vi còn bảng kiểm tra chỉ yêu cầu người đánh giá trả lời câu hỏi đơn giản Có – Không. Bảng kiểm là dạng công cụ ghi lại xem một phẩm chất có biểu hiện hay không hoặc một hành vi có được thực hiện hay không. Đối chiếu với các tiêu chí, HS lựa chọn mức đạt và đánh dấu vào cột tương ứng.

Bảng kiểm thường được sử dụng trong đánh giá kĩ năng thực hành và đánh giá sản phẩm HS làm ra:

- Bảng kiểm được sử dụng trong đánh giá những kĩ năng thực hành, nếu nó được chia ra thành những hành động cụ thể.

 Ví dụ: Bảng kiểm đánh giá “trách nhiệm” của HS khi hoạt động nhóm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao. |   |   |
| Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. |   |   |
| Thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ yêu cầu. |   |   |
| Cố gắng hoàn thành tốt sản phẩm yêu cầu. |   |   |
| Chia sẻ tài liệu cho các HS khác. |   |   |
| Giúp đỡ các HS khác khi cần thiết. |   |   |

 - Bảng kiểm được sử dụng để đánh giá sản phẩm. Trong trường hợp này, bảng kiểm thường bao gồm một dãy những đặc điểm mà một sản phẩm hoàn thiện cần có. GV đánh giá bằng cách kiểm tra xem từng đặc điểm phát biểu trong thang đo có ở sản phẩm của HS hay không.

Ví dụ, bảng kiểm sau đây được thiết kế hướng dẫn tự đánh giá một sản phẩm là bài viết hoặc báo cáo ngắn về một chủ đề nhất định:

**Bảng đánh giá báo cáo nghiên cứu chủ đề**

*Tên chủ đề:“Bảo vệ hòa bình”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | **Tiêu chí** | **Mức đạt** |
| Có | Không | Nhận xét |
| 1 | Giới thiệu chủ đề cuốn hút người đọc/người nghe |  |  |  |
| 2 | Cấu trúc lôgic, dễ hiểu |  |  |  |
| 3 | Nội dung trình bày chính xác, đúng chủ đề (*trình bày được lợi ích của bảo vệ hòa bình và mô tả sinh động các hành động bảo vệ hòa bình phù hợp với lứa tuổi* ) |  |  |  |
| 4 | Hình ảnh/dẫn chứng minh họa phù hợp với nội du6ng trình bày |  |  |  |
| 5 | Dung lượng hợp lí, đúng yêu cầu |  |  |  |
| 6 | Trình bày báo cáo mạch lạc giúp người đọc/người nghe dễ theo dõi |  |  |  |
| 7 |  Hình thức trình bày đẹp (chữ viết đẹp/phông chữ, màu chữ phù hợp/đường viền trang trí…) |  |  |  |
| 8 | Có sử dụng tài liệu tham khảo  |  |  |  |
| 9 | Kết nối chặt chẽ các phần của báo cáo |  |  |  |
| 10 | Kết luận có liên hệ hoặc nêu vấn đề nghiên cứu mở rộng |  |  |  |

 **Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)**

- Rubric là một bản mô tả cụ thể các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí đó về quá trình hoạt động hoặc sản phẩm học tập của HS. Rubric bao gồm hai yếu tố cơ bản: các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí, trong đó các mức độ thường được thể hiện dưới dạng thang mô tả hoặc kết hợp giữa thang số và thang mô tả để mô tả một cách chi tiết các mức độ thực hiện nhiệm vụ của người học.

Cũng tương tự như bảng kiểm, rubric gồm một tập hợp các tiêu chí đánh giá quá trình hoạt động/sản phẩm của HS về một nhiệm vụ nào đó. Tuy nhiên, rubric khắc phục được nhược điểm của bảng kiểm, bởi nếu bảng kiểm chỉ đưa ra cho GV hai lựa chọn cho việc đánh giá thì rubric đưa ra nhiều hơn hai lựa chọn cho mỗi tiêu chí. Các tiêu chí đánh giá của rubric là những đặc điểm, tính chất, dấu hiệu đặc trưng của hoạt động hay sản phẩm được sử dụng làm căn cứ để nhận biết, xác định, so sánh, đánh giá hoạt động hay sản phẩm đó*.*

*-* Các tiêu chí đánh giá cần đảm bảo các yêu cầu sau:

 Thể hiện đúng trọng tâm những khýa cạnh quan trọng của hoạt động/sản phẩm cần đánh giá.

Mỗi tiêu chí phải đảm bảo tính riêng biệt, đặc trưng cho một dấu hiệu nào đó của hoạt động/sản phẩm cần đánh giá.

Tiêu chí đưa ra phải quan sát và đánh giá được (tính khả thi).

- Việc sử dụng rubric để đánh giá và phản hồi kết quả thường được thực hiện sau khi HS thực hiện xong các bài tập/nhiệm vụ được giao. Hệ thống các bài tập này rất đa dạng, phong phú: chúng có thể là các bài tập/nhiệm vụ có giới hạn đòi hỏi vận dung tri thức, kĩ năng trong một phạm vi hẹp và cần ít thời gian để thực hiện. Hoặc chúng cũng có thể là các bài tập/nhiệm vụ mở rộng có cấu trúc phức tạp đòi hỏi phải vận dụng nhiều tri thức, kĩ năng khác nhau và mất nhiều thời gian để hoàn thành như: dự án học tập, đề tài NCKH, nhiệm vụ làm thí nghiệm...

Khi tiến hành sử dụng rubric cần lưu ý:

GV cần đưa ra các tiêu chí sẽ được sử dụng để đánh giá cho HS ngay khi giao bài tập/nhiệm vụ cho họ để họ hình dung rõ công việc cần phải làm, những gì được mong chờ ở họ và làm như thế nào để giải quyết nhiệm vụ

GV cần tập cho HS cùng tham gia xây dựng tiêu chí đánh giá các bài tập/nhiệm vụ để họ tập làm quen và biết cách sử dụng các tiêu chí trong đánh giá.

- Căn cứ vào các yếu tố cấu thành rubric, việc xây dựng rubric bao gồm hai nội dung là xây dựng tiêu chí đánh giá và xây dựng các mức độ đạt được của các tiêu chí đó.

*Xây dựng tiêu chí đánh giá*

Phân tích yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề, môn học và xác định các kiến thức, kĩ năng mong đợi ở HS và thể hiện những kiến thức, kĩ năng mong đợi này vào các nhiệm vụ/bài tập đánh giá mà GV xây dựng.

Xác định rõ các nhiệm vụ/bài tập đánh giá đã xây dựng là đánh giá hoạt động, sản phẩm hay đánh giá cả quá trình hoạt động và sản phẩm.

Phân tích, cụ thể hóa các sản phẩm hay các hoạt động đó thành những yếu tố, đặc điểm hay hành vi sao cho thể hiện được đặc trưng của sản phẩm hay quá trình đó. Đó là những yếu tố, những đặc điểm quan trọng, cần thiết quyết định sự thành công trong việc thực hiện hoạt động/sản phẩm. Đồng thời căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề, môn học để từ đó xác định tiêu chí đánh giá. Sau khi thực hiện việc này ta sẽ có một danh sách các tiêu chí ban đầu.

Chỉnh sửa, hoàn thiện các tiêu chí. Công việc này bao gồm:

Xác định số lượng các tiêu chí đánh giá cho mỗi hoạt động/sản phẩm. Mỗi hoạt động/sản phẩm có thể có nhiều yếu tố, đặc điểm để chọn làm tiêu chí. Tuy nhiên số lượng các tiêu chí dùng để đánh giá cho một hoạt động/sản phẩm nào đó không nên quá nhiều. Bởi trong một thời gian nhất định, nếu có quá nhiều tiêu chí đánh giá sẽ khiến cho GV ít khi có đủ thời gian quan sát và đánh giá, khiến cho việc đánh giá thường bị nhiễu. Do đó, để sử dụng tốt nhất và có thể quản lí một cách hiệu quả, cần xác định giới hạn số lượng tiêu chí cần thiết nhất để đánh giá. Thông thường, mỗi hoạt động/sản phẩm có khoảng 3 đến 8 tiêu chí đánh giá là phù hợp.

Các tiêu chí đánh giá cần được diễn đạt sao cho có thể quan sát được sản phẩm hoặc hành vi của HS trong quá trình họ thực hiện các nhiệm vụ. Các tiêu chí cần được xác định sao cho đủ khái quát để tập trung vào những đặc điểm nổi bật của các hoạt động/sản phẩm, nhưng cũng cần biểu đạt cụ thể để dễ hiểu và quan sát được dễ dàng, tránh sử dụng những từ ngữ mơ hồ làm che lấp những dấu hiệu đặc trưng của tiêu chí, làm giảm sự chính xác và hiệu quả của đánh giá.

*Xây dựng các mức độ thể hiện các tiêu chí đã xác định*

Xác định số lượng về mức độ thể hiện của các tiêu chí. Sở dĩ cần thực hiện việc này là vì rubric thường sử dụng thang mô tả để diễn đạt mức độ thực hiện công việc của HS. Với thang đo này, không phải GV nào cũng có thể phân biệt rạch ròi khi vượt quá 5 mức độ miêu tả. Khi phải đối mặt với nhiều mức độ hơn khả năng nhận biết, GV có thể đưa ra những nhận định và điểm số không chính xác, làm giảm độ tin cậy của sự đánh giá. Vì thế, chỉ nên sử dụng 3 đến 5 mức độ miêu tả là thích hợp nhất.

Đưa ra mô tả về các tiêu chí đánh giá ở mức độ cao nhất, thực hiện tốt nhất.

 Đưa ra các mô tả về các tiêu chí ở các mức độ còn lại.

 Hoàn thiện bản rubric: bản rubric cần được thử nghiệm nhằm phát hiện ra những điểm cần chỉnh sửa trước khi đem sử dụng chính thức.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất của việc thiết kế thang đo cho rubric là sử dụng từ ngữ mô tả các mức độ thực hiện tiêu chí. Cần phải sử dụng các từ ngữ diễn đạt sao cho thể hiện được các mức độ thực hiện khác nhau của HS. Có thể sử dụng nhiều nhóm từ ngữ để miêu tả các mức độ từ cao đến thấp hoặc ngược lại như: thực hiện tốt, tương đối tốt, chưa tốt, kém hay những từ mô tả khác như luôn luôn, phần lớn, thỉnh thoảng, ít khi, không bao giờ và nhiều nhóm từ ngữ khác, v.v...

Ví dụ: **Rubric đánh giá phẩm chất “chăm chỉ” của HS**

(GV quan sát, hỏi – đáp và dựa vào dựa vào phiếu để đánh giá.

Hoặc cho HS sử dụng các sticker để tự đánh giá vào mức mình đạt được)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| **Có ý thức và say mê học tập** | Luôn say mê học tập, nỗ lực phấn đấu vươn lên, tập trung cao độ vào việc hoàn thành nhiệm vụ . | Có cố gắng trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuy nhiên đôi lúc vẫn còn sao nhãng việc học tập; vẫn cần sự hướng dẫn, giúp đỡ của của thầy cô, gia đình và bạn bè. | Chưa tự giác, luôn thụ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| **Bố trí thời gian học tập** | Xem học tập là nhiệm vụ hằng ngày | Có bố trí thời gian học nhưng đôi lúc vẫn sao nhãng sang việc khác. | Khi có nhiệm vụ GV giao thì miễn cưỡng thực hiện. |
| **Hoàn thành việc học tập đúng thời hạn** | Nhanh chóng nhập cuộc, năng động, sáng tạo trong suốt thời gian học. | Ý thức được học tập là nhiệm vụ quan trọng cần ưu tiên nhưng đôi lúc việc nhập cuộc còn chậm trễ.  | Luôn trì hoãn, không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian quy định. |

**Rubric đánh giá sản phẩm học tập**

Nhóm được đánh giá:..................................................

Nhóm đánh giá:...........................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Thang điểm** | **Người đánh giá** |
| Nhóm thực hiện | Nhóm đánh giá | GV đánh giá |
| **1)Ý tưởng** | **10** |  |  |  |
| Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp l‎ý‎.  | 10 |  |  |  |
| Hay, sáng tạo, nhưng sắp xếp chưa hợp l‎ý | 8 |  |  |  |
| Thiếu ý tưởng sáng tạo, sắp xếp rời rạc.  | 5 |  |  |  |
| **2) Nội dung** | **40** |  |  |  |
| Chính xác, đầy đủ, có tính giáo dục, thuyết phục | 30 |  |  |  |
| Chính xác, đầy đủ, có tính giáo dục nhưng chưa thuyết phục  | 20 |  |  |  |
| Thiếu chính xác, chưa đầy đủ, có tính giáo dục, thiếu thuyết phục.  | 15 |  |  |  |
| **3) Hình thức báo cáo** | **15** |  |  |  |
| Phong phú, bố cục hợp l‎ý, màu sắc, phông chữ phù hợp không sai lỗi chính tả.  | 15 |  |  |  |
| Phong phú, bố cục hợp l‎ý, màu sắc, phông chữ chưa phù hợp có sai lỗi chính tả. | 10 |  |  |  |
| Phong phú, bố cục chưa hợp l‎ý, màu sắc, phông chữ không phù hợp, sai lỗi chính tả. | 8 |  |  |  |
| **4) Cách thức trình bày báo cáo** | **15** |  |  |  |
| Nhiều thành viên nhóm cùng trình bày, có tính thuyết phục, hấp dẫn.  | 10 |  |  |  |
| Đại diện nhóm báo cáo, thuyết phục, hấp dẫn.  | 7 |  |  |  |
| Đại diện nhóm báo cáo, ít thuyết phục, hấp dẫn. | 5 |  |  |  |
| **5) Thời gian báo cáo** | **10** |  |  |  |
| Đúng thời gian, phù hợp giữa các phần trong bài trình bày  | 10 |  |  |  |
| Đúng thời gian, chưa phù hợp giữa các phần trong bài trình bày  | 7 |  |  |  |
| Thừa hoặc thiếu thời gian, chưa phù hợp giữa các phần trong bài trình bày | 5 |  |  |  |
| **6) Nhận xét, góp ý và trả lời phản biện các nhóm** | **10** |  |  |  |
| Nhóm nhận xét, góp ý hay, không trùng lặp các nhóm; trả lời câu hỏi thuyết phục.  | 10 |  |  |  |
| Nhóm nhận xét, góp ý hay, ít trùng lặp ; trả lời câu hỏi tương đối thuyết phục.  | 7 |  |  |  |
| Nhóm nhận xét, góp ý không hay, thường trùng lặp các nhóm; trả lời câu hỏi chưa thuyết phục.  | 5 |  |  |  |
| **Tổng điểm** | **100** |  |  |  |
| **Điểm trung bình** |  |

 Trong dạy học môn GDCD, mỗi loại thông tin thu được từ các hình thức, các phương pháp đánh giá khác nhau đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy đủ và ý nghĩa từng HS trong lớp học. Mỗi phương pháp đánh giá lại có những công cụ khác nhau, một công cụ lại có thể sử dụng cho vài phương pháp. Khi nghiên cứu/học tập để biết cách sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá thì cần tách biệt từng phương pháp, công cụ. Tuy nhiên, khi vận dụng những phương pháp và công cụ đánh giá cần và nên phối hợp một số phương pháp công cụ trong việc đánh giá ở mỗi bài/chủ đề. Tuỳ vào mục đích và nội dung bài học, GV có thể sử dụng 1 hoặc tất cả dạng phương pháp nêu trên. Các phương pháp kiểm tra viết trên giấy, quan sát và vấn đáp bổ sung cho nhau trong lớp học. Hãy tưởng tượng khi phải ra quyết định trong lớp học mà không thể quan sát vẻ mặt, phản ứng, sự thể hiện kĩ năng trả lời câu hỏi và giao tiếp của HS. Hãy tưởng tượng nếu không thu thập được các thông tin từ các bài kiểm tra viết của HS trong lớp học thì sẽ như thế nào. Nếu GV không thể hỏi học trò của mình thì sẽ như thế nào. Mỗi loại thông tin đều cần thiết để thực hiện đánh giá đầy đủ và ý nghĩa trong lớp học. Vì thế, việc GV nắm vững tất cả các phương pháp thu thập thông tin là rất quan trọng.

Để lựa chọn được phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD phù hợp, chúng ta có thể chia những nội dung và chủ đề học tập ở môn GDCD thành 3 loại, ứng với mỗi loại là các hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp:

Loại 1 là những kiến thức khoa học và những kĩ năng nhận thức về các vấn đề đạo đức, pháp luật. Sử dụng phương pháp viết, hỏi - đáp sẽ phát huy tác dụng tốt với việc đánh giá những nội dung thuộc loại này.

Loại 2 là các kĩ năng hoạt động như viết, thuyết trình, phân tích và làm rõ đối tượng, giải quyết tình huống có vấn đề, lập kế hoạch hoạt động, tạo sản phẩm…Sử dụng phương pháp quan sát, viết, hỏi – đáp sẽ phát huy tác dụng tốt với việc đánh giá các kĩ năng hoạt động trong dạy học bộ môn.

Loại 3 là những nội dung thể nhận thức về thái độ, giá trị, niềm tin; thể hiện thái độ, giá trị, niềm tin qua hành vi, kết quả hoạt động...Phương pháp quan sát, viết phát huy tác dụng tốt với việc đánh giá loại nội dung này.

Như vậy, tùy thuộc vào yêu cầu cần đạt, vào nội dung cần đánh giá của một chủ đề/bài học GV sẽ lựa chọn sử dụng hình thức, phương pháp, đặc biệt phải xác định và biết cách thiết kế các công cụ đánh giá phù hợp với hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá, đáp ứng được mục đích kiểm tra, đánh giá đã đặt ra. Do đó, GV trong quá trình dạy học một bài học/chủ đề, cùng với việc lập kế hoạch dạy học thì nhất thiết phải xây dựng được kế hoạch kiểm tra, đánh giá và thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch đã xây dựng.

***3.1.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá thường xuyên cho một bài học/chủ đề của môn GDCD lớp 9***

Nếu kế hoạch bài học được hiểu là bản thiết kế tổng thể cho các hoạt động học của một bài học/chủ đề, trong đó xác định rõ mục tiêu bài học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương tiện và học liệu dạy học, thời lượng tổ chức các hoạt động học và đối tượng thụ hưởng thì *kế hoạch kiểm tra, đánh giá* được xác định là một khâu trong quy trình xây dựng kế hoạch bài học – một bản thiết kế tổng thể cho các hoạt động đánh giá gắn với tiến trình thực hiện hoạt động dạy học của bài học/chủ đề (đánh giá thường xuyên), trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, phương pháp, công cụ, thời điểm đánh giá và các đối tượng tham gia đánh giá. Có thể xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho chủ đề/bài học theo các bước sau:

*Bước 1. Phân tích yêu cầu cần đạt của bài học*

Trong từng chủ đề/bài học, các mục tiêu phẩm chất và năng lực sẽ được cụ thể hóa thành những hành vi với các chỉ số cụ thể, trong đó làm rõ mức độ vận dụng kiến thức để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Các mục tiêu này được diễn đạt thành các yêu cầu cần đạt. GV muốn đánh giá được phẩm chất, năng lực HS khi dạy học một chủ đề/bài học thì cần phải xác định được những yêu cầu cần đạt của bài học/chủ đề mà CT đã quy định và tiến hành phân tích, mô tả các yêu cầu cần đạt theo các mức độ từ thấp đến cao.

Minh họa: cho bài 4 - Bảo vệ hòa bình (GDCD 9)

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu cần đạt**  | **Mức độ biểu hiện** |
| Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; biểu hiện của hoà bình. | M1. Nêu được khái niệm hòa bình và một vài dấu hiệu của bảo vệ hòa bình.M2. Nêu được khái niệm hòa bình, bảo vệ hòa bình.M3. Nêu được khái niệm hòa bình, bảo vệ hòa bình và biểu hiện của bảo vệ hòa bình. |
| Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình | M1. Giải thích được một số lí do phải bảo vệ hòa bình.M2. Giải thích được một số lí do phải bảo vệ hòa bình và có một vài Ví dụ minh họa.M3. Giải thích đầy đủ lí do cần phải bảo vệ hòa bình và minh họa được bằng những Ví dụ cụ thể. |
| Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. | M1. Liệt kê được một vài biện pháp nhưng chưa nhận ra được những biện pháp đó trong bối cảnh.M2. Nhận ra được một số biện pháp trong một vài bối cảnh cụ thể.M3. Nhận ra được các biện pháp trong các bối cảnh.  |
| Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. | M1. Liệt kê được tên một số hoạt động bảo vệ hòa bình.M2. Biết lựa chọn một số hoạt động bảo vệ hòa bình phù hợp với lứa tuổi.M3. Lựa chọn và tham gia được những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. |
| Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. | M1. Nhận xét được một vài hiện tượng xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.M2. Nhận xét và tỏ thái độ không đồng tình với xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.M3. Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa |

 *Bước 2.* Xác định các hoạt động học đáo ứng yêu cầu cần đạt của bài học.

 Dựa vào những phân tích và bảng mô tả các yêu cầu cần đạt của chủ đề để xác định chuỗi hoạt động học. Trong đó, mỗi hoạt động phải nhằm thực hiện được ít nhất một yêu cầu cần đạt của chủ đề/bài học, ngoài ra có thể góp phần thực hiện một yêu cầu cần đạt khác hoặc một chỉ số hành vi cụ thể.

 Mỗi hoạt động học phải phù hợp với nội dung, phương pháp dạy học được sử dụng và mức độ hợp lí của các phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức các hoạt động học của HS.

 Các hoạt động học được xác định và thiết kế đảm bảo theo logic: Phát biểu được vấn đề -> Khám phá kiến thức, kĩ năng mới -> Thực hành/luyện tập nhằm củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng vừa khám phá -> Vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết vấn đề của chủ đề/bài học và giải quyết các vấn đề trong đời sống thực tiễn.

 *Bước 3.* Xác định phương pháp dạy học phù hợp với các hoạt động học

Các phương pháp dạy học khi thiết kế theo hoạt động học nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt của chủ đề là cơ sở quan trọng để lựa chọn phương pháp và công cụ đánh giá. Cụ thể, hệ thống câu hỏi, bài tập, thang đo, bảng kiểm, rubric… được thiết kế dựa trên:

- Các phương pháp dạy học như đặt câu hỏi, thu thập thông tin, tìm kiếm băng chứng sẽ khai thác kiến thức, kinh nghiệm của HS, phát huy trí tò mò khoa học của HS, phát triển các mối quan hệ tích cực của HS trong môi trường lớp học và cộng đồng xung quanh;…

- Các phương pháp dạy học như quan sát các sự vật, hiện tượng sẽ phát triển kĩ năng nhân xét, so sánh, phân loại, phân tích, suy luận, khái quán hóa góp phần hình thành sự trung thực, trách nhiệm của HS khi tham gia tìm hiểu và thực hiện các hoạt động kinh tế.

- Các pháp dạy học như trò chơi, đóng vai, trao đổi, thảo luận, thực hành, tìm tòi, điều tra… được sử dụng để HS học thông qua tương tác sẽ hình thành kĩ năng học tập, giao tiếp, tự tin trong việc phát biểu các ý tưởng, trình bày các sản phẩm học.

- Các phương pháp dạy học giải quyết vấn đề được sử dụng để HS học thông qua trải nghiệm sẽ tìm tòi, khám phá, liên hệ, vận dụng gắn với thực tiễn cuộc sống xung quanh.

*Bước 4*. Xây dựng khung kế hoạch kiểm tra, đánh giá

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Yêu cầu****cần đạt** | **Mức độ****biểu hiện**  | **Phương pháp dạy học** | **Kiểm tra đánh giá** |
| **Phương pháp** | **Công cụ** |
| **Khởi động**  | 1.Đặt được câu hỏi về bảo vệ hòa bình  | M1: Đặt câu hỏi không có chủ đích. M2: Đặt câu hỏi có chủ đích những chưa rõ vấn đề cần tìm.M3: Đặt câu hỏi và rút ra được vấn đề cần tìm hiểu của bài học. | Nêu vấn đề | Quan sát | Sổ ghi chép sự kiện thường nhật  |
| Hỏi-đáp | Câu hỏi gợi mở |
| **Khám phá vấn đề** | 2. Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; biểu hiện của hoà bình. | M1. Nêu được khái niệm hòa bình và một vài dấu hiệu của bảo vệ hòa bình.M2. Nêu được khái niệm hòa bình, bảo vệ hòa bình.M3. Nêu được khái niệm hòa bình, bảo vệ hòa bình và biểu hiện của bảo vệ hòa bình. | Thảo luận | Quan sát | Sổ ghi chép sự kiện thường nhật |
| Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành |
| 3. Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình | M1. Giải thích được một số lí do phải bảo vệ hòa bình.M2. Giải thích được một số lí do phải bảo vệ hòa bình và có một vài Ví dụ minh họa.M3. Giải thích đầy đủ lí do cần phải bảo vệ hòa bình và minh họa được bằng những Ví dụ cụ thể. | Thảo luậnĐàm thoại | Quan sát | Bảng kiểm đánh giá kĩ năng hợp tác làm việc nhóm |
| Hỏi-đáp | Câu hỏi gợi mở |
|  | 4. Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. | M1. Liệt kê được một vài biện pháp nhưng chưa nhận ra được những biện pháp đó trong bối cảnh.M2. Nhận ra được một số biện pháp trong một vài bối cảnh cụ thể.M3. Nhận ra được các biện pháp trong các bối cảnh.  | Quan sát | Sổ ghi chép sự kiện thường nhật |
| Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành |
| **Luyện tập** | 5. Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. | M1. Liệt kê được tên một số hoạt động bảo vệ hòa bình.M2. Biết lựa chọn một số hoạt động bảo vệ hòa bình phù hợp với lứa tuổi.M3. Lựa chọn và tham gia được những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. | Trò chơiThảo luận | Quan sát | Bảng kiểm đánh giá kĩ năng hợp tác làm việc nhóm |
| **Vận dụng và mở rộng** | 6. Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. | M1. Nhận xét được một vài hiện tượng xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.M2. Nhận xét và tỏ thái độ không đồng tình với xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.M3. Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa | Dự án | Quan sát | Phiếu đánh giá sản phẩm. |

 Bước 5. *Thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch đã xây dựng*

***Công cụ 1***. Bảng ghi chép sự kiện thường nhật

|  |  |
| --- | --- |
| Tên HS | Lớp |
| Thời gian | Địa điểm |
| Người quan sát |
| STT | Mô tả sự kiện | Nhận xét | Ghi chú |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

 - Mục đích: Đánh giá mức độ đạt được các YCCĐ 1,2,4.

 - Người quan sát và ghi chép: GV và nhóm trưởng HS.

 - Cách sử dụng: GV định trước nội dung quan sát, đối tượng quan sát; thời điểm quan sát. Giao bảng ghi chép và hướng dẫn một số HS được chỉ định thực hiện ghi chép các sự kiện vào bảng, tập trung vào một số sự kiện và hoạt động của HS khi thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động 1,2,4. GV lưu vào hồ sơ học tập.

***Công cụ 2***. Bảng giá kĩ năng thực hành

Đánh giá thái độ và kĩ năng tìm kiếm thông tin, chuẩn bị học liệu và và tham gia hoạt động nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên HS** | **Chuẩn bị** **tư liệu, tài liệu, đạo cụ, phương tiện** | **Thái độ chuẩn bị****và tinh thần tham gia** |
| Có chuẩn bị | Không chuẩn bị | Tích cực, hiệu quả | Tích cực, chưa hiệu quả | Chưa tích cực |
| Đầy đủ, mẫu tốt | Đầy đủ, mẫu chưa tốt | Chưa đầy đủ, mẫu không tốt |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .. | … |  |  |  |  |  |  |  |

 - Mục đích: Đánh giá mức độ đạt được các YCCĐ 2,4.

 - Cách sử dụng: HS tự đánh giá vào bảng sau khi thực hiện nhiệm vụ “Phân tích thông tin” của Hoạt động 2 và “Vẽ cây hòa bình” trong Hoạt động 4.

***Công cụ 3***. Bảng đánh giá kĩ năng hợp tác làm việc nhóm

Em hãy đánh giá mức độ đạt được của các tiêu chí trong bảng dưới đây bằng cách dán sticker (cười); sticker (mếu) vào các ô/cột tương ứng.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tiêu chí | Các mức độ |
| A | B | C | D |
| 1. Nhận nhiệm vụ  | Chủ động xung phong nhận nhiệm vụ | Không xung phong nhưng vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao | Miễn cưỡng khi nhận nhiệm vụ được giao | Từ chối nhận nhiệm vụ |
|  |  |  |  |
| 2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm | - Hăng hái bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.Và:- Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Nhưng:- Đôi lúc chưa biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các bạn trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.Hoặc:- Chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các bạn khác trong nhóm. | - Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Và:- Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
|  |  |  |  |
| 3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân,chủ động hỗ trợ các bạn khác trong nhóm | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, chưa chủ động hỗ trợ các bạn khác | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa hỗ trợ các bạn khác | Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, không hỗ trợ những bạn khác |
|  |  |  |  |
| 4. Tôn trọng quyết định chung | Luôn tôn trọng quyết định chung của cả nhóm | Đôi khi chưa tôn trọng quyết định chung của cả nhóm | Nhiều khi chưa tôn trọng quyết định chung của cả nhóm | Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm  |
|  |  |  |  |
| 5. Kết quả làm việc | Có sản phẩm tốt theo yêu cầu đề ra và đảm bảo đúng thời gian  | Có sản phẩm tốt nhưng chưa đảm bảo thời gian  | Có sản phẩm tương đối tốt theo yêu cầu đề ra nhưng chưa đảm bảo thời gian | Sản phẩm không đạt yêu cầu |
|  |  |  |  |  |
| 6. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung | Tự giác chịu trách nhiệm về sản phẩm chung | Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung khi được yêu cầu | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung  | Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung |
|  |  |  |  |  |

- Mục đích: Đánh giá mức độ đạt được của về giao tiếp, hợp tác sau khi HS tham gia các hoạt động.

- Cách sử dụng: (1) HS tự đánh giá sau khi kết thúc các hoạt động học tập. (2) HS chuyển phiếu đánh giá cho bạn trong nhóm. (3) HS trong nhóm đánh dấu vào những gì bạn đạt được, ghi bổ sung thêm những điều mà bạn đã làm được hay chưa làm được nhưng không viết ra. Trao đổi với bạn cách thay đổi/khắc phục...(4) GV đánh giá và lưu vào hồ sơ học tập.

 Công cụ 4. Phiếu đánh giá sản phẩm

 Tên sản phẩm: **Lập kế hoạch kinh hành động bảo vệ hòa bình**

 Nhóm được đánh giá:..................................Nhóm đánh giá:.......................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Thang điểm** | **Người đánh giá** |
| Nhóm thực hiện | Nhóm đánh giá | GV đánh giá |
| **1)Ý tưởng** | **15** |  |  |  |
| Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp l‎ý‎.  | 15 |  |  |  |
| Hay, sáng tạo, nhưng sắp xếp chưa hợp l‎ý | 10 |  |  |  |
| Thiếu ý tưởng sáng tạo, sắp xếp rời rạc.  | 5 |  |  |  |
| **2)Nội dung** | **40** |  |  |  |
| Chính xác, đầy đủ, có tính giáo dục, thuyết phục | 30 |  |  |  |
| Chính xác, đầy đủ, nhưng chưa thuyết phục  | 20 |  |  |  |
| Thiếu chính xác,chưa đầy đủ,thiếu thuyết phục.  | 15 |  |  |  |
| **3) Hình thức báo cáo** | **15** |  |  |  |
| Phong phú, bố cục hợp l‎ý, không có lỗi chính tả.  | 15 |  |  |  |
| Phong phú, bố cục hợp l‎ý, có sai lỗi chính tả. | 10 |  |  |  |
| Phong phú, bố cục chưa hợp l‎ý, sai lỗi chính tả. | 8 |  |  |  |
| **4) Cách thức trình bày báo cáo** | **15** |  |  |  |
| Nhiều thành viên nhóm cùng trình bày, có tính thuyết phục, hấp dẫn, hợp lí về thời gian. | 10 |  |  |  |
| Đại diện nhóm trình bày, thuyết phục, hấp dẫn. Thời gian giữa các phần chưa hợp lí.  | 7 |  |  |  |
| Đại diện nhóm trình bày, ít thuyết phục, hấp dẫn. Thừa hoặc thiếu thời gian. | 5 |  |  |  |
| **5)Nhận xét, góp ý, trả lời phản biện các nhóm** | **15** |  |  |  |
| Nhóm nhận xét, góp ý hay, không trùng lặp các nhóm; trả lời câu hỏi thuyết phục.  | 15 |  |  |  |
| Nhóm nhận xét, góp ý hay, ít trùng lặp các nhóm; trả lời câu hỏi tương đối thuyết phục.  | 10 |  |  |  |
| Nhóm nhận xét, góp ý không hay, thường trùng lặp các nhóm; trả lời câu hỏi chưa thuyết phục.  | 5 |  |  |  |
| **Tổng điểm** | **100** |  |  |  |
| **Điểm trung bình** |  |

 Mục đích: Đánh giá mức độ đạt được các YCCĐ 6

 Cách thực hiện: (1) Nhóm thực hiện tự đánh giá sau khi hoàn thành kế hoạch; (2) Nhóm bạn đánh giá khi nhóm thực hiện giới thiệu bản kế hoạch và kết quả thực hiện theo kế hoạch. (3) GV đánh giá và lưu vào hồ sơ học tập.

 Tóm lại. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá là một khâu trong quy trình xây dựng kế hoạch bài học, căn cứ vào bảng kế hoạc kiểm tra, đánh giá,giáo viên thiết kế các công cụ đánh giá phù hợp nhằm điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm kết hợp với tự luận biên soạn theo mức độ cần đạt của các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Mức độ yêu cầu của các câu hỏi trong đề kiểm tra như sau:

- Mức 1 (nhận biết): Các câu hỏi yêu cầu học sinh nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục;

- Mức 2 (thông hiểu): Các câu hỏi yêu cầu học sinh giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục;

- Mức 3 (vận dụng): Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục;

- Mức 4 (vận dụng cao): Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, gắn với thực tiễn, phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kĩ năng được sử dụng.

## III. Xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra

**3.1. Ma trận đề kiểm tra**

Một trong những mục đích của kiểm tra đánh giá là sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để ra những quyết định liên quan đến quá trình học tập của người học. Vì vậy, bài kiểm tra cần được thiết kế sao cho phù hợp nhất với mục tiêu cần đánh giá, có độ tin cậy và độ giá trị nằm trong khoảng cho phép. Để thiết kế được một đề kiểm tra đạt chất lượng như thế, cần thiết phải xây dựng một bản ma trận đáp ứng các yêu cầu sau đây:

***a. Khái niệm ma trận đề kiểm tra***

* Ma trận đề kiểm tra là bản thiết kế đề kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra như: thời lượng, số câu hỏi, dạng thức câu hỏi; lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí…
* Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương.
* Có nhiều phiên bản ma trận đề kiểm tra. Mức độ chi tiết của các ma trận này phụ thuộc vào mục đích và đối tượng sử dụng.

***b. Cấu trúc một bảng ma trận đề kiểm tra***

Cấu trúc 1 bảng ma trận đề kiểm tra gồm các thông tin như sau:

- Tên Bảng ma trận- Ký hiệu (nếu cần)

- Cấu trúc từng phần (Prompt Attributes)

+ Cấu trúc và tỷ trọng từng phần

+ Các câu hỏi trong đề kiểm tra (items)

* + Dạng thức câu hỏi
	+ Lĩnh vực kiến thức
	+ Cấp độ/thang năng lực đánh giá
	+ Thời gian làm dự kiến của từng câu hỏi
	+ Vị trí câu hỏi trong đề kiểm tra

- Các thông tin hỗ trợ khác

***c. Thông tin cơ bản của ma trận đề kiểm tra:***

* + Mục tiêu đánh giá (objectives)
	+ Lĩnh vực, phạm vi kiến thức (Content)
	+ Thời lượng (cả đề kiểm tra, từng phần kiểm tra)
	+ Tổng số câu hỏi
	+ Phân bố câu hỏi theo lĩnh vực, phạm vi kiến thức, mức độ khó, mục tiêu đánh giá
	+ Các lưu ý khác…

***d. Ví dụ minh họa mẫu ma trận đề kiểm tra***



## 3.2. Bản đặc tả đề kiểm tra

***a. Khái niệm bản đặc tả***

 Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là *test specification* hay *test blueprint*) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá, giúp xây dựng đề kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lí giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

***b. Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra***

 Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

**(i) Mục đích của đề kiểm tra**

Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra *có thể* bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

* Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của người học tại thời điểm đánh giá.
* Dự đoán sự phát triển, sự thành công của người học trong tương lai.
* Nhận biết sự khác biệt giữa các người học.
* Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.
* Đánh giá kết quả học tập (hay việc làm chủ kiến thức, kỹ năng) của người học so với mục tiêu giáo dục, dạy học đã đề ra.
* Chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học để có hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.
* Đánh giá trình độ, năng lực của người học tại thời điểm bắt đầu và kết thúc một khóa học để đo lường sự tiến bộ của người học hay hiệu quả của khóa học.

**(ii) Hệ mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá**

Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà người học cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của người học đối với từng mục tiêu dạy học.

Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom...

**(iii) Bảng đặc tả đề kiểm tra**

Đây là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chủ đề kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chủ đề kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp.

**(iv). Cấu trúc đề kiểm tra**

Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

***c. Ví dụ minh họa mẫu bản đặc tả đề kiểm tra***



**PHẦN II.**

**XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ THEO MA TRẬN ĐỀ, ĐẶC TẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO MÔN HỌC**

1. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 9

a) Ma trận, đặc tả đề kiểm tra giữa kì

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**MÔN: GDCD LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** |  Chí công vô tư | 1.Chí công vô tư | **2** | 4 | **1** | 2,5 | 1\*\* | 6. | 1\*\*\* | 6 | 3 | 1\*\* | 12,5 | **28** |
| **2** | Tự chủ | 2. Tự chủ | **1** | 2 | **1** | 2,5 | 3 | 1\*\* | 10.5 | **23** |
| **3** |  Dân chủ và kỉ luật | 3. Dân chủ và kỉ luật | **1** | 2 | **1** | 2,5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 4.5 | **10** |
| **4** | Bảo vệ hòa bình | 4. Bảo vệ hòa bình | **2** | 4 | **1** | 2.5 | 1\*\* | 6.5 | 0 | 0 | 3 | 1 | 13 | **29** |
| **5** |  Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | 5. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | **1** | 2 | 1 | 2.5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 4.5 | **10** |
| **Tổng** | **7** | **15** | **5** | **12.5** | **2** | **12.5** | **1** | **6.0** | **12** | **3** | **45** | **100** |
| **Tỷ lệ %** | **40** | **30** | **20** | **10** | **30** | **70** |  | **100** |
| **Tỷ lệ chung** | **70** | **30** | **100** |  |  |

**Lưu ý:**

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9– THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** |  Chí công vô tư | 1.Chí công vô tư | **Nhận biết:**- khái niệm phẩm chất chí công vô tư- Biểu hiện của phẩm chất chí công vô tư**Thông hiểu:**- Giải thích được ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư**Vận dụng:**- Nhận xét, đánh giá hành vi đã thể hiện/ chưa thể hiện chí công vô tư**Vận dụng cao:**- Thể hiện được phẩm chất chí công vô tư trong cuộc sống hàng ngày | **2** | **1** | **2\*\*** | **1** |
| **2** | Tự chủ | 2. Tự chủ | **Nhận biết:** - Khái niệm tính tự chủ- Biểu hiện của người có tính tự chủ**Thông hiểu:**- Giải thích được thế nào là người có tính tự chủ- Giải thích được ý nghĩa của việc biết tự chủ**Vận dụng:**- Biết cách rèn luyện tính tự chủ- Tự lập, tự chủ trong học tập và sinh hoạt | **1** | **1** |
| **3** |  Dân chủ và kỉ luật | 3. Dân chủ và kỉ luật | **Nhận biết:**- Khái niệm dân chủ- Khái niệm kỉ luật**Thông hiểu:**- Phân biệt được biểu hiện của dân chủ, kỉ luật và nêu ví dụ minh họa- Giải thích được ý nghĩa của dân chủ, kỉ luật**Vận dụng:**- Thực hiện được quyền dân chủ; - Tự chấp hành nội quy, quy định của tập thể | **1** | **1** | **0** |
| **4** |  Bảo vệ hòa bình | 4. Bảo vệ hòa bình | **Nhận biết:**- Khái niệm hòa bình, bảo về hòa bình- Các biểu hiện của sống hòa bình.**Thông hiểu:**- Phân biệt được thế nào là hòa bình; sống hòa bình- Giải thích được ý nghĩa của bảo vệ hòa bình; các hoạt động bảo vệ hòa bình**Vận dụng:**- Nhận xét, đánh giá được các hoạt động bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới.- Biết sống thân thiện trong các mối quan hệ với mọi người; tham gia các hoạt động bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh | **2** | **1** | **0** |
| **5** |  Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | 5. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | **Nhận biết:**- Khái niệm tình hữu nghị, hợp tác **Thông hiểu:**- Giải thích được mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc bắng ví dụ cụ thể- Giải thích được ý nghĩa của việc thực hiện mối quan hệ hữu nghị , hợp tác giữa các dân tộc trên thế giới.**Vận dụng:**- Thể hiện được mối quan hệ hữu nghị, hợp tác trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp với người nước ngoài. | **1** | **1** | **0** |
| **Tổng** |  | **7** | **5** | **2** | **1** |

**Lưu ý**:

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

**b) Ma trận, đặc đả đề kiểm tra cuối học kì 1**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: GDCD LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** |  Chí công vô tư | 1.Chí công vô tư | **1** | 1.25 | 1\* | 2.5 |  2\*\* |   10 | 1\* | 8 | 1 | 1 | 10.25 | **23** |
| **2** |  Tự chủ | 2. Tự chủ | 0 | 0 |
|  |  Dân chủ và kỉ luật | 3. Dân chủ và kỉ luật | **1** | 1,25 | 1 |
|  |  Bảo vệ hòa bình | 4. Bảo vệ hòa bình | **1** | 1,25 | 1\* | 0 | 1 |
|  |  Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | 5. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | **1** | 1,25 | 0 | 1 |  |
| **3** |  Hợp tác cùng phát triển | 6. Hợp tác cùng phát triển | **1** | 1.25 | 1\* | 2.5  | 10 | 3 | 1 | 22.75 | **50** |
| **4** | Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc | 7. Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc | **1** | 1.25 | 2 |
|  | Yêu cầu đối với người lao động trong thời kì đổi mới | 8. Năng động, sáng tạo | **1** | 1.25 | 1\* | 2.5 | 2 |
| 9. Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | **1** | 1.25 | 1 | 1 | 12 | **27** |
| **Tổng** | **9** | **11.25** | **3** | **7.5** | **2** | **16.5** | **1** | **10** | **12** | **3** | **45** | **100** |
| **Tỷ lệ %** | **40** | **30** | **20** | **10** | **30** | **70** |  | **100** |
| **Tỷ lệ chung** | **70** | **30** | **100** |  |  |

**Lưu ý:**

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** |  Chí công vô tư | 1.Chí công vô tư | **Nhận biết:**- khái niệm phẩm chất chí công vô tư- Biểu hiện của phẩm chất chí công vô tư**Thông hiểu:**- Giải thích được ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư**Vận dụng:**- Nhận xét, đánh giá hành vi đã thể hiện/ chưa thể hiện chí công vô tư**Vận dụng cao:**- Thể hiện được phẩm chất chí công vô tư trong cuộc sống hàng ngày | **1** | **0** | **2\*\*** | **1\*** |
| **2** |  Tự chủ | 2. Tự chủ | **Nhận biết:** - Khái niệm tính tự chủ- Biểu hiện của người có tính tự chủ**Thông hiểu:**- Giải thích được thế nào là người có tính tự chủ- Giải thích được ý nghĩa của việc biết tự chủ**Vận dụng:**- Biết cách rèn luyện tính tự chủ- Tự lập, tự chủ trong học tập và sinh hoạt | **1** | **0** |
|  Dân chủ và kỉ luật | 3. Dân chủ và kỉ luật | **Nhận biết:**- Khái niệm dân chủ- Khái niệm kỉ luật**Thông hiểu:**- Phân biệt được biểu hiện của dân chủ, kỉ luật và nêu ví dụ minh họa- Giải thích được ý nghĩa của dân chủ, kỉ luật**Vận dụng:**- Thực hiện được quyền dân chủ; - Tự chấp hành nội quy, quy định của tập thể | **1** |  |
|  Bảo vệ hòa bình | 4. Bảo vệ hòa bình | **Nhận biết**:- Khái niệm hòa bình, bảo về hòa bình- Các biểu hiện của sống hòa bình.**Thông hiểu:**- Phân biệt được thế nào là hòa bình; sống hòa bình- Giải thích được ý nghĩa của bảo vệ hòa bình; các hoạt động bảo vệ hòa bình**Vận dụng:**- Nhận xét, đánh giá được các hoạt động bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới.- Biết sống thân thiện trong các mối quan hệ với mọi người; tham gia các hoạt động bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh | **1** | **0** |
|  Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | 5. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới | **Nhận biết:**- Khái niệm tình hữu nghị, hợp tác **Thông hiểu:**- Giải thích được mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc bắng ví dụ cụ thể- Giải thích được ý nghĩa của việc thực hiện mối quan hệ hữu nghị , hợp tác giữa các dân tộc trên thế giới.**Vận dụng:**- Thể hiện được mối quan hệ hữu nghị, hợp tác trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp với người nước ngoài. | **1** |  |
| **3** |  Hợp tác cùng phát triển | 6. Hợp tác cùng phát triển | **Nhận biết:**- Khái niệm hợp tác cùng nhau phát triển.- Nguyên tắc hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước **Thông hiểu:**- Giải thích được thế nào là hợp tác cùng nhau phát triển- Trình bày được vai trò của hợp tác quốc tế**Vận dụng:**- Tuân thủ các quy định của nhà nước về hợp tác quốc tế.**Vận dụng cao:**- Lựa chọn tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế phù hợp với lứa tuổi | **1** | **1\*** | **1\*\*** |
| **4** | Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc | 7. Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc | **Nhận biết:**- Khái niệm truyền thống dân tộc- Kể tên được một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam**Thông hiểu:**- Phân biệt được các biểu hiện kế thừa, phát huy/ chưa kế thừa phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.- Giải thích được ý nghĩa của việc kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹo của dân tộc- Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc**Vận dụng:** - Biết cách rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo các truyền thống tốt đẹp của dân tộc.**Vận dụng cao:**Lựa chọn thực hiện được một số việc làm phù hợp để phát huy truyền thống dân tộc | **1** |
|  | Yêu cầu đối với người lao động trong thời kì đổi mới | 8. Năng động, sáng tạo | **Nhận biết:**- Khái niệm năng động, sáng tạo- Các biểu hiện của năng động, sáng tạo.**Thông hiểu:**- Phân biệt được thế nào là năng động sáng tạo; thế nào là chưa năng động sáng tạo bằng các ví dụ cụ thể- Trình bày được ý nghĩa của năng động sáng tạo**Vận dụng:**- Biết cách rèn luyện để trở thành người năng động sáng tạo.**Vận dụng cao:**- Thực hiện được các hành động, việc làm thể hiện sự năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và trong cuộc sống | **1** | **1** |  |
|  | 9. Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | **Nhận biết:**- Khái niệm năng động, sáng tạo- Các biểu hiện của năng động, sáng tạo.**Thông hiểu:**- Phân biệt được thế nào là năng động sáng tạo; thế nào là chưa năng động sáng tạo bằng các ví dụ cụ thể- Trình bày được ý nghĩa của năng động sáng tạo**Vận dụng:**- Biết cách rèn luyện để trở thành người năng động sáng tạo.**Vận dụng cao:**- Thực hiện được các hành động, việc làm thể hiện sự năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và trong cuộc sống | **1** | **1** |  |
| **Tổng** |  | **9** | **3** | **2** | **1** |

**Lưu ý**:

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

1. **Đặc tả đề kiểm tra giữa kì 2**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**MÔN: GDCD LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** |  Lí tưởng sống của thanh niên | 1 Lí tưởng sống của thanh niên | 2 | 2,5 | 1 | 1,5 | 2 | 20 | 1 | 10 | 3 | 1\*\* | 14 | **31** |
| **2** |  Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | 2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | 2 | 2,5 | 1 | 1.5 | 0 | 0 | 9 | 2\*\* | 31 | **69** |
| **3** |  Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | 3. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | 2 | 2,5 | 1 | 1,5 |
| **4** | Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 4. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 2 | 2,5 |  1 | 1,5 |
| **Tổng** | **16** | **10** | **4** | **6** | **2** | **10** | **1** | **8** | **12** | **3** | **45** | **100** |
| **Tỷ lệ %** | **40** | **30** | **20** | **10** | **30** | **70** |  | **100** |
| **Tỷ lệ chung** | **70** | **30** | **100** |  |  |

**Lưu ý:**

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | Lí tưởng sống của thanh niên | 1. Lí tưởng sống của thanh niên | **Nhận biết:**- Lí tưởng sống- lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay**Thông hiểu:**- Giải thích được vai trò của sống có lí tưởng**Vận dụng:**- Xác định được lí tưởng sống cho bản thân- Rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo lí tưởng đã chọn | **2** | **1** | **2\*\*\*** | **1\*\*** |
| **2** |  Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | 2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | **Nhận biết:**- Khái niệm của hôn nhân- Những nguyên tắc cơ bản của hôn nhân, gia đình của Việt Nam- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân**Thông hiểu:**- Phân biệt được hôn nhân hợp pháp, hôn nhân bất hợp pháp- Trình bày được tác hại của việc kết hôn sóm**Vận dụng:**- Tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình của Việt Nam- Thực hiện được các quyền, nghĩa vụ của công dân trong | **2** | **1** | **0** |
| **3** |  Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | 3. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | **Nhận biết:**- Khái niệm quyền tự do kinh doanh, - Thế nào là thuế- Nội dung quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh- Nghĩa vụ đóng thuế của công dân**Thông hiểu:**- Ý nghĩa của thuế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước**Vận dụng:** - Tuân thủ các quy định của pháp luật- Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ kinh doanh, nghĩa vụ đóng thuế | **2** | **1** |
| **4** |  Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 4. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | **Nhận biết:** - Các nội dung quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân- Quy định của pháp luật về sử dụng lao động trẻ em**Thông hiểu:** - Phân biệt được hành vi, việc làm đúng/ hành vi việc làm vi phạm quyền nghĩa vụ công dân- Trình bày được ý nghĩa của quyền, nghĩa vụ lao động của công dân;- Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền, nghĩa vụ công dân**Vận dụng:**- Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ công dân- Nhận xét, đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân của các cá nhân và tổ chức | **2** | **1** |
| **Tổng** |  | **8** | **4** | **2** | **1** |

**Lưu ý**:

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

**d) Ma trận, đặc tả đề kiểm tra cuối kì 2**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II**

**MÔN: GDCD LỚP 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** |  Lí tưởng sống của thanh niên | 1 Lí tưởng sống của thanh niên | **1** | 1,25 | **1** | 1,5 | 1\* |  10.75 | 0 | 0 | **2** | 0 | 2,5 | **5.6** |
| **2** |  Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | 2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | **2** | 2.5 | 1\* | 10 | 1\* | 9 | **2** | 1\*\* |  12.5 | **27.8** |
| **3** |  Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | 3. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | **2** | 2.5 | **2** | 2.5 | **5.6** |
| **4** | Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 4. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | **2** | 2.5 | **2** | 1\*\* | 13.25 | **29.4** |
| **5** | Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân. | 5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân. | **2** | 2.5 | **2** | 1\*\*\* | 11.5 | **26** |
| **6** |  Quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội của công dân | 6. Quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội của công dân | **2** | 2,5 | **2** | 2.5 | **5.6** |
| **Tổng** | **8** | **3.75** | **4** | **11.5** | **2** | **10.75** | **1** |  | **12** | **3** | **45** | **100** |
| **Tỷ lệ %** | **40** | **30** | **20** | **10** | **30** | **70** |  | **100** |
| **Tỷ lệ chung** | **70** | **30** | **100** |  |  |

**Lưu ý:**

- Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng, phù hợp ma trận.

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi tự luận trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*). (1\*\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), (1\*\*\*) kết hợp 03 mức dộ nhận thức.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | Lí tưởng sống của thanh niên | 1. Lí tưởng sống của thanh niên | **Nhận biết:**- Lí tưởng sống- lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay**Thông hiểu:**- Giải thích được vai trò của sống có lí tưởng**Vận dụng:**- Xác định được lí tưởng sống cho bản thân- Rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo lí tưởng đã chọn | **1** | **1** | **0****1\*\*** | **0** |
| **2** |  Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | 2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân | **Nhận biết:**- Khái niệm của hôn nhân- Những nguyên tắc cơ bản của hôn nhân, gia đình của Việt Nam- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân**Thông hiểu:**- Phân biệt được hôn nhân hợp pháp, hôn nhân bất hợp pháp- Trình bày được tác hại của việc kết hôn sóm**Vận dụng:**3- Tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình c4ủa Việt Nam- Thực hiện được các quyền, nghĩa vụ của công dân trong | **2** | **1\*\*** |
| **3** |  Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | 3. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế | **Nhận biết:**- Khái niệm quyền tự do kinh doanh, - Thế nào là thuế- Nội dung quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh- Nghĩa vụ đóng thuế của công dân**Thông hiểu:**- Ý nghĩa của thuế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước**Vận dụng:** - Tuân thủ các quy định của pháp luật- Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ kinh doanh, nghĩa vụ đóng thuế | **2** |
| **4** |  Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 4. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | **Nhận biết:** - Các nội dung quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân- Quy định của pháp luật về sử dụng lao động trẻ em**Thông hiểu:** - Phân biệt được hành vi, việc làm đúng/ hành vi việc làm vi phạm quyền nghĩa vụ công dân- Trình bày được ý nghĩa của quyền, nghĩa vụ lao động của công dân;- Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền, nghĩa vụ công dân**Vận dụng:**- Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ công dân- Nhận xét, đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân của các cá nhân và tổ chức | **2** |
| **5** |  Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân. | 5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân. | **Nhận biết:**- Khái niệm vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lí- Các loại vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lí.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các loại vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lí.**Vận dụng:**- Đánh giá, nhận xét các hành vi vi phạm pháp luật trong các tình huống cụ thể- Chấp hành quy định của pháp luật | **2** |
| **6** | Quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội của công dân | 6. Quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội của công dân | **Nhận biết:**- Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân- Các hình thức tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân- Trách nhiệm của nhà nước, của công dân trong việc đảm bảo và thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.**Thông hiểu:**- Ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân**Vận dụng:**- Thực hiện được quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội phù hợp với lứa tuổi | **2** | **0** |
| **Tổng** |  | **11** | **2** | **1** | **1** |

**Lưu ý**:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Giáo viên ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức (1) hoặc (2) hoặc (3) hoặc (4) hoặc (5) hoặc (6) hoặc (7).

- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức (1).

|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ THAM KHẢO | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC** **Môn thi: Giáo dục công dân - Lớp 9***Thời gian làm bài: 45 phút**không tính thời gian phát đề* |

 *Họ và tên học sinh:…………………………………...*

 *Mã số học sinh:………………………….*

**PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 3 điểm)**

**Câu 1.** Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của người sống có lí tưởng sống?

A. Chạy theo xu hướng đám đông. B. Chỉ biết đến lợi ích của bản thân.

C. Nóng vội, chủ quan, duy ý chí. **D**. Luôn hành động theo lẽ phải.

**Câu 2**. Trong buổi sinh hoạt theo chủ đề “thanh niên vì ngày mai lập nghiệp” các
thành viên trong lớp 9A đã sôi nổi đưa ra giải pháp để đạt mục tiêu đề ra. Việc
làm của các bạn thể hiện nội dung nào dưới đây?

**A.** Lí tưởng sống. B. Nhu cầu cá nhân.

C. Thỏa ước tập thể. D. Tôn trọng người khác.

**Câu 3**: Nội dung nào dưới đây **không** thuộc nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình nước ta?

A. Hôn nhân tự nguyện, một vợ một chồng.

B. Hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng.

**C**. Hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, quyết định.

D. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

**Câu 4**. Nội dung nào dưới đây là cơ sở quan trọng của hôn nhân?

A. Phong tục, tập quán. B. Điều kiện kinh tế.

**C**. Tình yêu chân chính. D. Vị trí xã hội.

**Câu 5**. Kinh doanh là hoạt động sản xuất, dịch vụ nhằm mục đích

 A. trao đổi hàng hóa. **B**. thu lợi nhuận.

 C. đóng thuế. D. ổn định thị trường.

**Câu 6**. Quyền tự do kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật được hiểu là công dân được kinh doanh

A. mọi mặt hàng mà không cần đăng kí kinh doanh.

B. đúng mặt hàng kê khai nhưng không cần giấy phép.

C. tất cả những mặt hàng mang lại nhiều lợi nhuận.

**D.** đúng mặt hàng đã kê khai và được cấp giấy phép.

**Câu 7**. Hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Kinh doanh. **B**. Lao động.

B. Việc làm. C. Thu nhập.

**Câu 8**. Nội dung nào dưới đây **không** nói lên vai trò của lao động đối với sự tồn tại, phát triển của đất nước và nhân loại?

 A. Lao động tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

 B. Lao động tạo ra các giá trị tinh thần cho xã hội.

 **C**. Lao động chỉ đem lại sự giàu có cho một số cá nhân.

 D. Lao động đem lại nguồn hạnh phúc cho con người.

**Câu 9.** Nghĩa vụ mà cá nhân, tổ chức, cơ quan phải chấp hành theo những quy định của Nhà nước là thể hiện trách nhiệm nào dưới đây?

**A**. Trách nhiệm pháp lí. B. Trách nhiệm chính trị.

C. Trách nhiệm đạo đức. D. Trách nhiệm xã hội.

**Câu 10.** Hành vi xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện là vi phạm

A. hành chính. B. hình sự. **C.** dân sự. D. kỉ luật.

**Câu 11.** Nhà nước ta xác định quyền nào dưới đây là quyền chính trị quan trọng
nhất của công dân?

A. Quyền tự do ngôn luận.

B. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

C. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

**D.** Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội.

**Câu 12**. Theo quy định của pháp luật, tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội vừa là quyền vừa là

A. khát vọng cao đẹp của mọi công dân.

B. nhiệm vụ bắt buộc đối với mọi công dân.

**C**. trách nhiệm của công dân đối với nhà nước và xã hội.

D. nhu cầu của công dân đối với nhà nước và xã hội

**PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 1.** *(3 điểm)* Ông A là anh cùng cha khác mẹ với ông B. Con trai của ông A (23 tuổi, đã li hôn với vợ) và con gái của ông B (18 tuổi) yêu nhau và kiên quyết đòi lấy nhau dù hai bên gia đình khuyên can, ngăn cản.

Trong trường hợp này, nếu hai người con của ông A và ông B lấy nhau thì:

- Hôn nhân của họ sẽ vi phạm quy định nào của Luật HN&GD nước ta?

- Phân tích và đưa ra nhận xét về những vi phạm đó.

- Nêu những hậu quả có thể xảy ra từ hôn nhân này.

**Câu 2. *(2 điểm)***Giả sử gia đình em mở cửa hàng kinh doanh nhưng bố mẹ em cho rằng kinh doanh là phải chạy theo lợi nhuận mà muốn có lợi nhuận thì phải trốn thuế. Em không tán thành ý kiến của bố mẹ.

 Dựa vào kiến thức pháp luật đã học, em hãy nêu những việc cần làm để thay đổi suy nghĩ của bố mẹ.

**Câu 3. *(2 điểm)*** Các hành vi dưới đây thuộc loại vi phạm pháp luật nào? Người vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lí như thế nào?

- Vứt rác bừa bãi.

- Cãi nhau gây mất trật tự công cộng.

- Lấn chiếm vỉa hè.

- Trộm xe đạp điện.

- Viết vẽ bậy lên tường lớp học.

**------------- HẾT ----------**

**2. Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp**

 Việc biên soạn câu hỏi của đề theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc:

 - Số loại câu hỏi (trắc nghiệm hoặc tự luận) trong đề kiểm tra phải bảo đảm đúng ma trận.

 - Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức phải phù hợp với ma trận.

 - Câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu (trắc nghiệm) thì mỗi câu hỏi cần được biên soạn ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

 - Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao (tự luận) trong đề được biên soạn ở (\*), (1\*\*) của bảng đặc tả. Câu hỏi biên soạn 01 mức độ nhận thức (\*), (1\*\*) hoặc kết hợp cả 02 mức độ nhận thức (\*) và (1\*\*), 03 mức dộ nhận thức (1\*\*\*)

 Để các câu hỏi biên soạn đạt chất lượng tốt, cần biên soạn câu hỏi thoả mãn các yêu cầu sau:(*ở đây trình bày 2 loại câu hỏi thường dùng nhiều trong các đề kiểm tra*)

 **\* Các yêu cầu đối với câu hỏi có nhiều lựa chọn**

1) Câu hỏi đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình;

2) Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

3) Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

4) Không trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

5) Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

6) Mỗi phương án nhiễu phải hợp lí đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;

7) Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;

8) Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

9) Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;

10) Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;

11) Không đưa ra phương án “*Tất cả các đáp án trên đều đúng*” hoặc “*không có phương án nào đúng*”.

# \* Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận

 1) Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

 2) Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

 3) Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

 4) Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;

 5) Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

 6) Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;

 7) Yêu cầu học sinh phải am hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

 8) Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi phải truyền tải được hết những yêu cầu của cán bộ ra đề đến học sinh;

 9) Câu hỏi **nên** nêu rõ các vấn đề: Độ dài của bài luận; Mục đích bài luận; Thời gian để viết bài luận; Các tiêu chí cần đạt.

10) Nếu câu hỏi yêu cầu học sinh nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi cần nêu rõ: bài làm của học sinh sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà học sinh đó đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là nêu quan điểm đó.

# Các phụ lục

**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC**

(*Kèm theo Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................**TỔ:** .............................................................................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC .........................., LỚP............**

(Năm học 20..... - 20.....)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** ..................**; Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**...................; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học:...........; Trên đại học:.............

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt:.............; Khá:................; Đạt:...............' Chưa đạt:.........................

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**[[13]](#footnote-13)

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

(*Kèm theo Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................**TỔ:** .............................................................................. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

(Năm học 20..... - 20.....)

**1. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề(1) | Yêu cầu cần đạt(2) | Số tiết(3) | Thời điểm(4) | Địa điểm(5) | Chủ trì(6) | Phối hợp(7) | Điều kiện thực hiện(8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

….

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................**TỔ:** ..............................................................................Họ và tên giáo viên: ..................................................... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ............................., LỚP............**

(Năm học 20..... - 20.....)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Thời điểm(3) | Thiết bị dạy học(4) | Địa điểm dạy học(5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Thời điểm(3) | Thiết bị dạy học(4) | Địa điểm dạy học(5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.*

*(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.*

*(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).*

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục)*

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | *… ngày tháng năm***GIÁO VIÊN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục IV**

**KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

(*Kèm theo Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:...................****Tổ:............................** | Họ và tên giáo viên:…………………… |

**TÊN BÀI DẠY: …………………………………..**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ……….; lớp:………

Thời gian thực hiện: (số tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:** Nêu cụ thể yêu cầu cần đạt về kiến thức học sinh cần học trong bài để thực hiện được yêu cầu cần đạt của nội dung/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

**2. Năng lực:** Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

**3. Phẩm chất:** Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)*

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lí tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành…) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lí tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.*

d) Tổ chức thực hiện: *Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).*

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.*

d) Tổ chức thực hiện: *Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.*

c) Sản phẩm: *Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.*

d) Tổ chức thực hiện: *Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.*

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.*

**Ghi chú**:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

3. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

-------------------

1. Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Ngoại ngữ 1 (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Tự nhiên và Xã hội (ở lớp 1, lớp 2, lớp 3); Lịch sử và Địa lí (ở lớp 4, lớp 5); Khoa học (ở lớp 4, lớp 5); Tin học và Công nghệ (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1 (ở lớp 1, lớp 2). [↑](#footnote-ref-2)
3. Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2. [↑](#footnote-ref-6)
7. Chương trình hiện hành được xây dựng theo mô hình định hướng nội dung, nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng giúp học sinh vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn; coi kiến thức vừa là "chất liệu", "đầu vào" vừa là "kết quả", "đầu ra" của quá trình giáo dục. Vì vậy, học sinh phải học và ghi nhớ rất nhiều gây quá tải nhưng khả năng vận dụng vào đời sống rất hạn chế. [↑](#footnote-ref-7)
8. Để soạn thảo mục tiêu giáo dục của CT GDPT mới, CT GDPT tổng thể đã dựa trên quy định về mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục hiện hành của Việt Nam, đồng thời tham khảo mục tiêu giáo dục trong CT GDPT của nhiều quốc gia và định hướng giáo dục của các tổ chức quốc tế lớn, trong đó có Tuyên bố của UNESCO về “bốn trụ cột của giáo dục” (Pillars of Learning) – Học để biết, Học để làm, Học để chung sống, Học để tự khẳng định mình. Các ý tưởng cơ bản trong tuyên bố này được coi là mục tiêu giáo dục chung mà nhân loại hướng đến và đã được thể hiện đầy đủ trong phần mục tiêu giáo dục của CT GDPT tổng thể. [↑](#footnote-ref-8)
9. Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [↑](#footnote-ref-9)
10. Đối với cấp trung học cơ sở, mỗi mạch nội dung của môn Khoa học tự nhiên có thể phân công cho một giáo viên có chuyên môn phù hợp (Hoá học: Chất và sự biến đổi chất; Sinh học: Vật sống; Vật lí: Năng lượng và sự biến đổi, Trái đất và bầu trời) để bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng 1/2 học kì của năm học; mỗi mạch nội dung của môn Lịch sử và Địa lí có thể phân công cho một giáo viên Lịch sử và một giáo viên Địa lí để bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng học kì của năm học. [↑](#footnote-ref-10)
11. Nhóm môn học khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật; Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hóa học, Sinh học; Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật. [↑](#footnote-ref-11)
12. Bảo đảm định mức giờ dạy theo quy định của giáo viên trong nhà trường. [↑](#footnote-ref-12)
13. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-13)